

Số: 367/NQ - HĐND

Thanh Hóa, ngày 24 tháng 3 năm 2023

**NGHỊ QUYẾT**

Về việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 300/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phân bổ nguồn vốn từ ngân sách Trung ương bổ sung cho ngân sách tỉnh Thanh Hóa để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 và năm 2022

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA  
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 12**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11 tháng 01 năm 2022;*

*Căn cứ Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025; số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025; số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 cho các địa phương thực hiện 03 chương trình; số 653/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 về việc giao dự toán ngân sách trung ương năm 2022 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Nghị quyết số 256/2022/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển từ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân*

sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021 - 2025;

Xét Tờ trình số 34/TTr-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 300/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022 Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phân bổ nguồn vốn từ ngân sách Trung ương bổ sung cho ngân sách tỉnh Thanh Hóa để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 và năm 2022; Báo cáo thẩm tra số 119/BC-KTNS ngày 22 tháng 3 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

## **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 300/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phân bổ nguồn vốn từ ngân sách Trung ương bổ sung cho ngân sách tỉnh Thanh Hóa để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 và năm 2022, với các nội dung sau:

1. Sửa đổi điểm a, b, c khoản 1 Điều 2 như sau:

a) Bố trí kế hoạch vốn cho cấp xã: 1.575.430 triệu đồng.

b) Bố trí kế hoạch vốn cho cấp huyện: 72.676 triệu đồng.

Trong đó:

- Huyện Như Thanh: 36.338 triệu đồng.

- Huyện Cẩm Thủy: 36.338 triệu đồng.

c) Hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã theo Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2020; Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 03 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ và thực hiện các nhiệm vụ phát sinh được cấp có thẩm quyền phê duyệt: 272.394 triệu đồng.

2. Bổ sung khoản 5 vào Điều 2 như sau:

“5. Trong trường hợp có số vốn kết dư từ định mức phân bổ cho cấp huyện, cấp xã, giao UBND tỉnh bổ sung để thực hiện nội dung hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã theo Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2020; Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 03 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ và thực hiện các nhiệm vụ phát sinh được cấp có thẩm quyền phê duyệt”.

3. Thay thế Phụ lục IV Nghị quyết số 300/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của HĐND tỉnh thành Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này (chi tiết có Phụ lục kèm theo).

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết này và các quy định của pháp luật, tổ chức triển khai thực hiện.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 24 tháng 3 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các bộ: KH và ĐT, Tài chính, Nông nghiệp và PTNT;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Văn phòng Điều phối xây dựng NTM tỉnh;
- TTr HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**



**Đỗ Trọng Hưng**



## Phụ lục

**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021-2025  
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI CHO CÁC DỰ ÁN KHỞI  
CÔNG MỚI GIAI ĐOẠN 2023 - 2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA**

*(Kèm theo Nghị quyết số 367/NQ-HĐND ngày 24 tháng 3 năm 2023 của  
Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa)*

ĐVT: Triệu đồng

| TT        | Danh mục công trình/dự án                                                                      | Chủ đầu tư             | Kế hoạch vốn<br>ĐTPT nguồn<br>NSTW<br>giai đoạn<br>2021 - 2025 | Ghi chú                                  |
|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|----------------------------------------------------------------|------------------------------------------|
|           | <b>TỔNG CỘNG:</b>                                                                              |                        | <b>1.068.199</b>                                               |                                          |
| <b>A</b>  | <b>PHÂN BỐ VỐN CHO CẤP XÃ</b>                                                                  |                        | <b>723.129</b>                                                 |                                          |
| <b>I</b>  | <b>HUYỆN THẠCH THÀNH</b>                                                                       |                        | <b>103.199</b>                                                 |                                          |
| <b>1</b>  | <b>Xã Thành Minh</b>                                                                           |                        | <b>7.787</b>                                                   |                                          |
| -         | Sân vận động xã Thành Minh                                                                     | UBND xã<br>Thành Minh  | 4.500                                                          | Điều chỉnh danh mục<br>và KH vốn dự án   |
| -         | Xây dựng đường GTNT thôn Mục Long đi thôn Sỏi<br>Cốc                                           | UBND xã<br>Thành Minh  | 3.287                                                          | Điều chỉnh danh mục<br>và KH vốn dự án   |
| <b>2</b>  | <b>Xã Thạch Lâm</b>                                                                            |                        | <b>7.787</b>                                                   |                                          |
| -         | Xây dựng đường GTNT xã Thạch Lâm                                                               | UBND xã<br>Thạch Lâm   | 4.307                                                          | Điều chỉnh danh mục<br>và KH vốn dự án   |
| -         | Xây dựng hệ thống kênh mương nội đồng                                                          | UBND xã<br>Thạch Lâm   | 3.480                                                          | Điều chỉnh KH vốn<br>để đảm bảo định mức |
| <b>3</b>  | <b>Xã Thành Công</b>                                                                           |                        | <b>4.630</b>                                                   |                                          |
| -         | Sân vận động xã Thành Công                                                                     | UBND xã<br>Thành Công  | 4.630                                                          | Điều chỉnh KH vốn<br>để đảm bảo định mức |
| <b>4</b>  | <b>Xã Thành Tân</b>                                                                            |                        | <b>4.630</b>                                                   |                                          |
| -         | Xây dựng các phòng học trường THCS Thành Tân                                                   | UBND xã<br>Thành Tân   | 4.630                                                          | Điều chỉnh KH vốn<br>để đảm bảo định mức |
| <b>5</b>  | <b>Xã Thạch Cẩm</b>                                                                            |                        | <b>4.630</b>                                                   |                                          |
| -         | Xây dựng khối phòng học chức năng và nhà hiệu bộ<br>trường tiểu học 1, xã Thạch Cẩm.           | UBND xã<br>Thạch Cẩm   | 4.630                                                          | Điều chỉnh danh mục<br>và KH vốn dự án   |
| <b>6</b>  | <b>Xã Ngọc Trạo</b>                                                                            |                        | <b>4.630</b>                                                   |                                          |
| -         | Xây dựng các hạng mục phụ trợ Trường THCS xã<br>Ngọc Trạo                                      | UBND xã<br>Ngọc Trạo   | 4.630                                                          | Điều chỉnh danh mục<br>và KH vốn dự án   |
| <b>7</b>  | <b>Xã Thành Thọ</b>                                                                            |                        | <b>4.465</b>                                                   |                                          |
| -         | Đường giao thông nông thôn từ thôn Búi đi thôn Phú<br>Cốc xã Thành Thọ                         | UBND xã<br>Thành Thọ   | 4.465                                                          | Điều chỉnh danh mục<br>và KH vốn dự án   |
| <b>8</b>  | <b>Xã Thạch Tượng</b>                                                                          |                        | <b>7.591</b>                                                   |                                          |
| -         | Xây dựng sân vận động xã Thạch Tượng                                                           | UBND xã<br>Thạch Tượng | 4.000                                                          | Điều chỉnh danh mục<br>và KH vốn dự án   |
| -         | Xây dựng nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ<br>trường Tiểu học xã Thạch Tượng                 | UBND xã<br>Thạch Tượng | 3.591                                                          | Điều chỉnh KH vốn<br>để đảm bảo định mức |
| <b>9</b>  | <b>Xã Thành Yên</b>                                                                            |                        | <b>7.771</b>                                                   |                                          |
| -         | Xây dựng phòng học chức năng, thiết bị và các hạng<br>mục phụ trợ trường Tiểu học xã Thành Yên | UBND xã<br>Thành Yên   | 7.771                                                          | Điều chỉnh danh mục<br>và KH vốn dự án   |
| <b>10</b> | <b>Xã Thành Tiến</b>                                                                           |                        | <b>4.630</b>                                                   |                                          |
| -         | Xây dựng hệ thống kênh mương nội đồng kết hợp với<br>đường GT nội đồng                         | UBND xã<br>Thành Tiến  | 4.630                                                          | Điều chỉnh danh mục<br>và KH vốn dự án   |
| <b>11</b> | <b>Xã Thạch Quảng</b>                                                                          |                        | <b>4.350</b>                                                   |                                          |
| -         | Xây dựng nhà lớp học và nhà hiệu bộ Trường TH<br>Thạch Quảng 2                                 | UBND xã<br>Thạch Quảng | 4.350                                                          |                                          |
| <b>12</b> | <b>Xã Thành Mỹ</b>                                                                             |                        | <b>7.787</b>                                                   |                                          |
| -         | Xây dựng nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ<br>trường Mầm non xã Thành Mỹ                     | UBND xã<br>Thành Mỹ    | 7.787                                                          | Điều chỉnh danh mục<br>và KH vốn dự án   |
| <b>13</b> | <b>Xã Thạch Long</b>                                                                           |                        | <b>4.680</b>                                                   |                                          |



| TT  | Danh mục công trình/dự án                                                                   | Chủ đầu tư          | Kế hoạch vốn<br>ĐTPT nguồn<br>NSTW<br>giai đoạn<br>2021 - 2025 | Ghi chú                               |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|----------------------------------------------------------------|---------------------------------------|
| -   | Xây dựng phòng học, các thiết bị Trường mầm non xã Thạch Long                               | UBND xã Thạch Long  | 4.680                                                          | Điều chỉnh danh mục và KH vốn dự án   |
| 14  | <b>Xã Thành Vinh</b>                                                                        |                     | 7.687                                                          |                                       |
| -   | Xây dựng nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ trường Mầm non xã Thành Vinh                   | UBND xã Thành Vinh  | 7.687                                                          | Điều chỉnh danh mục và KH vốn dự án   |
| 15  | <b>Xã Thành Trục</b>                                                                        |                     | 2.518                                                          |                                       |
| -   | Xây dựng nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ trường TH xã Thành Trục                        | UBND xã Thành Trục  | 2.518                                                          | Điều chỉnh KH vốn để đảm bảo định mức |
| 16  | <b>Xã Thành Tâm</b>                                                                         |                     | 2.518                                                          |                                       |
| -   | Nâng cấp mở rộng hệ thống đường giao thông nông thôn xã Thành Tâm                           | UBND xã Thành Tâm   | 2.518                                                          | Điều chỉnh danh mục và KH vốn dự án   |
| 17  | <b>Xã Thạch Định</b>                                                                        |                     | 2.518                                                          |                                       |
| -   | Xây dựng nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ trường Tiểu học, Trung học cơ sở xã Thạch Định | UBND xã Thạch Định  | 2.518                                                          | Điều chỉnh danh mục và KH vốn dự án   |
| 18  | <b>Xã Thạch Bình</b>                                                                        |                     | 2.518                                                          |                                       |
| -   | Xây dựng nhà bếp ăn và khuôn viên trường Mầm non xã Thạch Bình                              | UBND xã Thạch Bình  | 2.518                                                          | Điều chỉnh danh mục và KH vốn dự án   |
| 19  | <b>Xã Thành Long</b>                                                                        |                     | 2.518                                                          |                                       |
| -   | Nâng cấp mở rộng đường GTNT từ thôn Eo Bàn đi Thành Sơn, xã Thành Long                      | UBND xã Thành Long  | 2.518                                                          | Điều chỉnh danh mục và KH vốn dự án   |
| 20  | <b>Xã Thành An</b>                                                                          |                     | 2.518                                                          |                                       |
| -   | Kênh mương nội đồng thôn Dũ Thắng, xã Thành An                                              | UBND xã Thành An    | 2.518                                                          | Điều chỉnh danh mục và KH vốn dự án   |
| 21  | <b>Xã Thạch Sơn</b>                                                                         |                     | 2.518                                                          |                                       |
| -   | Đường GTNT từ cầu Hón Bò đi thôn Tân Sơn, xã Thạch Sơn                                      | UBND xã Thạch Sơn   | 2.518                                                          | Điều chỉnh danh mục và KH vốn dự án   |
| 22  | <b>Xã Thạch Đồng</b>                                                                        |                     | 2.518                                                          |                                       |
| -   | Xây dựng nhà hiệu bộ, nhà bếp ăn và khuôn viên trường mầm non xã Thạch Đồng                 | UBND xã Thạch Đồng  | 2.518                                                          | Điều chỉnh danh mục và KH vốn dự án   |
| II  | <b>HUYỆN NHƯ THANH</b>                                                                      |                     | 13.551                                                         |                                       |
| 1   | <b>Xã Thanh Tân</b>                                                                         |                     | 2.437                                                          |                                       |
| -   | Xây dựng sân vận động xã Thanh Tân                                                          | UBND xã Thanh Tân   | 2.437                                                          | Điều chỉnh KH vốn để đảm bảo định mức |
| 2   | <b>Xã Mậu Lâm</b>                                                                           |                     | 2.518                                                          |                                       |
| -   | Cải tạo, nâng cấp khuôn viên nhà văn hóa thôn Tâm Tiến, xã Mậu Lâm, huyện Như Thanh         | UBND xã Mậu Lâm     | 900                                                            | Điều chỉnh danh mục và KH vốn dự án   |
| -   | Cải tạo, nâng cấp nhà văn hóa thôn Hợp Tiến xã Mậu Lâm, huyện Như Thanh                     | UBND xã Mậu Lâm     | 800                                                            |                                       |
| -   | Cải tạo, nâng cấp khuôn viên trường Mầm non Khu chính xã Mậu Lâm                            | UBND xã Mậu Lâm     | 818                                                            |                                       |
| 3   | <b>Xã Phú Nhuận</b>                                                                         |                     | 2.518                                                          |                                       |
| -   | Nâng cấp Trung tâm văn hoá xã Phú Nhuận                                                     | UBND xã Phú Nhuận   | 2.518                                                          | Điều chỉnh KH vốn để đảm bảo định mức |
| 4   | <b>Xã Xuân Khang</b>                                                                        |                     | 2.518                                                          |                                       |
| -   | Sân thể thao xã Xuân Khang                                                                  | UBND xã Xuân Khang  | 2.518                                                          | Điều chỉnh KH vốn để đảm bảo định mức |
| 5   | <b>Xã Cán Khê</b>                                                                           |                     | 2.518                                                          |                                       |
| -   | Nối tiếp đường giao thông thôn Chanh đi Lá Nán, xã Cán Khê, huyện Như Thanh                 | UBND xã Cán Khê     | 2.100                                                          | Điều chỉnh danh mục và KH vốn dự án   |
| -   | Xây mới tường rào, mở rộng khuôn viên trường mầm non khu A xã Cán Khê, huyện Như Thanh      | UBND xã Cán Khê     | 418                                                            |                                       |
| 6   | <b>Xã Phượng Nghi</b>                                                                       |                     | 1.042                                                          |                                       |
| -   | Các hạng mục phụ trợ trường TH khu lẻ Cộng Thành, xã Phượng Nghi, huyện Như Thanh           | UBND xã Phượng Nghi | 1.042                                                          | Bổ sung danh mục                      |
| III | <b>HUYỆN CẨM THỦY</b>                                                                       |                     | 20.986                                                         |                                       |



| TT | Danh mục công trình/dự án                                                                                                                           | Chủ đầu tư          | Kế hoạch vốn<br>ĐTPT nguồn<br>NSTW<br>giai đoạn<br>2021 - 2025 | Ghi chú                             |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|----------------------------------------------------------------|-------------------------------------|
| 1  | <b>Xã Cẩm Liên</b>                                                                                                                                  |                     | <b>5.787</b>                                                   |                                     |
| -  | Xây dựng sân vận động xã Cẩm Liên                                                                                                                   | UBND xã Cẩm Liên    | 3.177                                                          | Điều chỉnh danh mục và KH vốn dự án |
| -  | Xây dựng công trình cấp nước sạch tập trung                                                                                                         | UBND xã Cẩm Liên    | 2.610                                                          | Điều chỉnh danh mục dự án           |
| 2  | <b>Xã Cẩm Long</b>                                                                                                                                  |                     | <b>3.050</b>                                                   |                                     |
| -  | Xây dựng bãi tập kết rác thải tập trung                                                                                                             | UBND xã Cẩm Long    | 1.500                                                          | Điều chỉnh danh mục dự án           |
| -  | Xây dựng mới nhà hiệu bộ Trường tiểu học xã Cẩm Long                                                                                                | UBND xã Cẩm Long    | 1.550                                                          | Điều chỉnh danh mục dự án           |
| 3  | <b>Xã Cẩm Phú</b>                                                                                                                                   |                     | <b>3.250</b>                                                   |                                     |
| -  | Các tuyến đường giao thông nông thôn trên địa bàn xã                                                                                                | UBND xã Cẩm Phú     | 3.000                                                          | Điều chỉnh danh mục dự án           |
| -  | Kiên cố hoá kênh mương nội đồng thôn Thái Long                                                                                                      | UBND xã Cẩm Phú     | 250                                                            | Điều chỉnh danh mục dự án           |
| 4  | <b>Xã Cẩm Lương</b>                                                                                                                                 |                     | <b>3.863</b>                                                   |                                     |
| -  | Xây dựng khu thể thao xã Cẩm Lương                                                                                                                  | UBND xã Cẩm Lương   | 2.313                                                          | Điều chỉnh danh mục và KH vốn dự án |
| -  | Xây dựng bãi tập kết rác thải tập trung                                                                                                             | UBND xã Cẩm Lương   | 1.550                                                          | Điều chỉnh danh mục dự án           |
| 5  | <b>Xã Cẩm Yên</b>                                                                                                                                   |                     | <b>2.518</b>                                                   |                                     |
| -  | Xây dựng Sân vận động xã Cẩm Yên                                                                                                                    | UBND xã Cẩm Yên     | 1.748                                                          | Điều chỉnh danh mục và KH vốn dự án |
| -  | Xây dựng mới nhà văn hoá thôn Trâm Lứt - xã Cẩm Yên                                                                                                 | UBND xã Cẩm Yên     | 770                                                            | Điều chỉnh danh mục dự án           |
| 6  | <b>Xã Cẩm Vân</b>                                                                                                                                   |                     | <b>2.518</b>                                                   |                                     |
| -  | Các tuyến đường giao thông nông thôn trên địa bàn xã                                                                                                | UBND xã Cẩm Vân     | 2.518                                                          | Điều chỉnh danh mục và KH vốn dự án |
| IV | <b>HUYỆN NGỌC LẶC</b>                                                                                                                               |                     | <b>43.772</b>                                                  |                                     |
| 1  | <b>Xã Lam Sơn</b>                                                                                                                                   |                     | <b>2.518</b>                                                   |                                     |
| -  | Nâng cấp tuyến đường Thôn 8, xã Lam Sơn, Ngọc Lặc                                                                                                   | UBND xã Lam Sơn     | 2.110                                                          | Điều chỉnh danh mục và KH vốn dự án |
| -  | Nâng cấp tuyến đường Thôn Trại Sờ, xã Lam Sơn, Ngọc Lặc                                                                                             | UBND xã Lam Sơn     | 408                                                            |                                     |
| 2  | <b>Xã Cao Thịnh</b>                                                                                                                                 |                     | <b>2.518</b>                                                   |                                     |
| -  | Nâng cấp đường trục xã tuyến đường từ ngã ba làng Mai đi Lim Còm, xã Cao Thịnh, Ngọc Lặc                                                            | UBND xã Cao Thịnh   | 2.518                                                          | Điều chỉnh danh mục và KH vốn dự án |
| 3  | <b>Xã Đồng Thịnh</b>                                                                                                                                |                     | <b>2.518</b>                                                   |                                     |
| -  | Nâng cấp đường thôn Chiềng, xã Đồng Thịnh                                                                                                           | UBND xã Đồng Thịnh  | 2.518                                                          | Điều chỉnh danh mục và KH vốn dự án |
| 4  | <b>Xã Phúc Thịnh</b>                                                                                                                                |                     | <b>2.518</b>                                                   |                                     |
| -  | Đường giao thông nông thôn làng Miềng đi làng Sòng xã Phúc Thịnh, Ngọc Lặc                                                                          | UBND xã Phúc Thịnh  | 1.760                                                          | Điều chỉnh danh mục và KH vốn dự án |
| -  | Đường giao thông nông thôn làng Trạc đi làng Quên, xã Phúc Thịnh, Ngọc Lặc                                                                          | UBND xã Phúc Thịnh  | 758                                                            |                                     |
| 5  | <b>Xã Quang Trung</b>                                                                                                                               |                     | <b>2.518</b>                                                   |                                     |
| -  | Nhà hiệu bộ trường Mầm non                                                                                                                          | UBND xã Quang Trung | 2.518                                                          | Điều chỉnh danh mục và KH vốn dự án |
| 6  | <b>Xã Kiên Thọ</b>                                                                                                                                  |                     | <b>2.518</b>                                                   |                                     |
| -  | Đường giao thông thôn 11 - đến Xuân Thành, Kiên Thọ, Ngọc Lặc                                                                                       | UBND xã Kiên Thọ    | 2.518                                                          | Điều chỉnh danh mục và KH vốn dự án |
| 7  | <b>Xã Ngọc Sơn</b>                                                                                                                                  |                     | <b>2.518</b>                                                   |                                     |
| -  | Lắp đặt đường ống cấp nước sạch tập trung cung cấp cho các hộ thuộc các thôn Diên Sơn, Kim Thủy, Linh Sơn, Thanh Sơn - xã Ngọc Sơn, huyện Ngọc Lặc. | UBND xã Ngọc Sơn    | 2.518                                                          | Điều chỉnh danh mục và KH vốn dự án |
| 8  | <b>Xã Ngọc Trung</b>                                                                                                                                |                     | <b>2.518</b>                                                   |                                     |

| TT | Danh mục công trình/dự án                                                                                                           | Chủ đầu tư            | Kế hoạch vốn<br>ĐTPT nguồn<br>NSTW<br>giai đoạn<br>2021 - 2025 | Ghi chú                                  |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|----------------------------------------------------------------|------------------------------------------|
| -  | Đường giao thông thôn Tân Mỹ- xã Ngọc Trung,<br>Ngọc Lặc                                                                            | UBND xã<br>Ngọc Trung | 2.518                                                          | Điều chỉnh danh mục<br>và KH vốn dự án   |
| 9  | <b>Xã Lộc Thịnh</b>                                                                                                                 |                       | <b>2.518</b>                                                   |                                          |
| -  | Nâng cấp Đường thôn Cò Chè - khu trung tâm<br>UBND xã Lộc Thịnh, Ngọc Lặc                                                           | UBND xã Lộc<br>Thịnh  | 1.000                                                          | Điều chỉnh danh mục<br>và KH vốn dự án   |
| -  | Đường giao thông thôn Lộc Thành -xã Lộc Thịnh,<br>Ngọc Lặc                                                                          | UBND xã Lộc<br>Thịnh  | 1.518                                                          |                                          |
| 10 | <b>Xã Thạch Lập</b>                                                                                                                 |                       | <b>2.518</b>                                                   |                                          |
| -  | Xây dựng nhà hiệu bộ trường Mầm non khu chính xã<br>Thạch Lập, Ngọc Lặc                                                             | UBND xã<br>Thạch Lập  | 2.518                                                          | Điều chỉnh danh mục<br>và KH vốn dự án   |
| 11 | <b>Xã Mỹ Tân</b>                                                                                                                    |                       | <b>2.518</b>                                                   |                                          |
| -  | Đường giao thông thôn Vải, xã Mỹ Tân, Ngọc Lặc                                                                                      | UBND xã Mỹ<br>Tân     | 2.518                                                          | Điều chỉnh danh mục<br>và KH vốn dự án   |
| 12 | <b>Xã Thúy Sơn</b>                                                                                                                  |                       | <b>1.450</b>                                                   |                                          |
| -  | Đường giao thông thôn Hoa Cao                                                                                                       | UBND xã<br>Thúy Sơn   | 1.450                                                          | Bổ sung danh mục                         |
| 13 | <b>Xã Minh Sơn</b>                                                                                                                  |                       | <b>1.550</b>                                                   |                                          |
| -  | Tuyến đường thôn Minh Thuận.                                                                                                        | UBND xã<br>Minh Sơn   | 1.550                                                          | Bổ sung danh mục                         |
| 14 | <b>Xã Cao Ngọc</b>                                                                                                                  |                       | <b>1.050</b>                                                   |                                          |
| -  | Đường giao thông thôn Chỗ Tráng, xã Cao Ngọc - đi<br>xã Vân Am, huyện Ngọc Lặc.                                                     | UBND xã Cao<br>Ngọc   | 1.050                                                          | Bổ sung danh mục                         |
| 15 | <b>Nguyệt Ấn</b>                                                                                                                    |                       | <b>1.050</b>                                                   |                                          |
| -  | Đường giao thông thôn Nguyệt Thành, Nguyệt Ấn,<br>Ngọc Lặc                                                                          | UBND xã<br>Nguyệt Ấn  | 1.050                                                          | Bổ sung danh mục                         |
| 16 | <b>Xã Minh Tiến</b>                                                                                                                 |                       | <b>1.050</b>                                                   |                                          |
| -  | Đường giao thông thôn Thanh Sơn                                                                                                     | UBND xã<br>Minh Tiến  | 1.050                                                          | Bổ sung danh mục                         |
| 17 | <b>Xã Phùng Minh</b>                                                                                                                |                       | <b>1.050</b>                                                   |                                          |
| -  | Lắp đặt đường ống cấp nước tập trung tại 2 thôn Minh<br>Hòa, thôn Thượng -xã Phùng Minh.                                            | UBND xã<br>Phùng Minh | 1.050                                                          | Bổ sung danh mục                         |
| 18 | <b>Xã Phùng Giáo</b>                                                                                                                |                       | <b>4.487</b>                                                   |                                          |
| -  | Lắp đặt đường ống cấp nước tập trung tại 3 thôn Hợp<br>Thành, Bằng, Chuối -xã Phùng Giáo                                            | UBND xã<br>Phùng Giáo | 2.300                                                          | Bổ sung danh mục                         |
| -  | Đường giao thông thôn Chăm - thôn Lau, xã Phùng<br>Giáo                                                                             | UBND xã<br>Phùng Giáo | 2.187                                                          | Bổ sung danh mục                         |
| 19 | <b>Xã Vân Am</b>                                                                                                                    |                       | <b>4.387</b>                                                   |                                          |
| -  | Đường giao thông thôn Đám Vân Giang, xã Vân Am,<br>huyện Ngọc Lặc                                                                   | UBND xã Vân<br>Am     | 1.700                                                          | Bổ sung danh mục                         |
| -  | Đường giao thông thôn Khén, xã Vân Am, huyện<br>Ngọc Lặc.                                                                           | UBND xã Vân<br>Am     | 2.687                                                          | Bổ sung danh mục                         |
| V  | <b>HUYỆN THƯỜNG XUÂN</b>                                                                                                            |                       | <b>53.388</b>                                                  |                                          |
| 1  | <b>Xã Tân Thành</b>                                                                                                                 |                       | <b>2.227</b>                                                   |                                          |
| -  | Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung xã Tân Thành                                                                                | UBND xã Tân<br>Thành  | 2.227                                                          | Điều chỉnh KH vốn<br>để đảm bảo định mức |
| 2  | <b>Xã Bát Mọt</b>                                                                                                                   |                       | <b>8.000</b>                                                   |                                          |
| -  | Đường giao thông từ thôn Cạn đi thôn Ruộng xã Bát<br>Mọt                                                                            | UBND xã Bát<br>Mọt    | 4.000                                                          | Điều chỉnh KH vốn<br>để đảm bảo định mức |
| -  | Đường giao thông từ thôn Dưn đi thôn Phổng, xã Bát<br>Mọt                                                                           | UBND xã Bát<br>Mọt    | 4.000                                                          |                                          |
| 3  | <b>Xã Xuân Thắng</b>                                                                                                                |                       | <b>5.286</b>                                                   |                                          |
| -  | Tuyến đường giao thông nội thôn Tú xã Xuân Thắng<br>(từ nhà ông Ngân Văn Phiên (Km49+200 đường<br>519B) đến nhà ông Ngân Văn Tuấn). | UBND xã<br>Xuân Thắng | 2.226                                                          | Điều chỉnh danh mục<br>và KH vốn         |
|    | Tuyến đường giao thông nội thôn Xương xã Xuân<br>Thắng (từ nhà ông Vi Hoài Bảo đến nhà ông Lương<br>Văn Tuấn).                      | UBND xã<br>Xuân Thắng | 1.020                                                          | Điều chỉnh danh mục<br>và KH vốn         |



| TT        | Danh mục công trình/dự án                                                                                              | Chủ đầu tư         | Kế hoạch vốn<br>ĐTPT nguồn<br>NSTW<br>giai đoạn<br>2021 - 2025 | Ghi chú                               |
|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|----------------------------------------------------------------|---------------------------------------|
|           | Tuyến đường giao thông nội thôn Xem Đót xã Xuân Thắng (từ nhà ông Lục Đình Hắng đến nhà ông Lò Quang Quý).             | UBND xã Xuân Thắng | 2.040                                                          | Điều chỉnh danh mục và KH vốn         |
| <b>4</b>  | <b>Xã Yên Nhân</b>                                                                                                     |                    | <b>6.363</b>                                                   |                                       |
| -         | Đường giao thôn Mỹ (Tuyến Keo - Nâu đi thôn Mỹ), xã Yên Nhân                                                           | UBND xã Yên Nhân   | 1.850                                                          |                                       |
| -         | Nhà văn hóa thôn Mỹ, xã Yên Nhân                                                                                       | UBND xã Yên Nhân   | 1.277                                                          | Bổ sung danh mục                      |
| -         | Đường giao thông từ thôn Lửa đi thôn Khong, xã Yên Nhân                                                                | UBND xã Yên Nhân   | 3.236                                                          | Bổ sung danh mục                      |
| <b>5</b>  | <b>Xã Xuân Cao</b>                                                                                                     |                    | <b>850</b>                                                     |                                       |
| -         | Đường giao thông từ Trường Mầm non đi nhà ông Nguyễn Ngọc Thành thôn Trung Nam, xã Xuân Cao                            | UBND xã Xuân Cao   | 850                                                            | Điều chỉnh danh mục dự án             |
| <b>6</b>  | <b>Xã Xuân Dương</b>                                                                                                   |                    | <b>2.000</b>                                                   |                                       |
| -         | Đường nội đồng xã Xuân Dương, huyện Thường Xuân                                                                        | UBND xã Xuân Dương | 2.000                                                          | Điều chỉnh KH vốn để đảm bảo định mức |
| <b>7</b>  | <b>Xã Lương Sơn</b>                                                                                                    |                    | <b>2.518</b>                                                   |                                       |
| -         | Nhà lớp học (6 phòng) Trường THCS Lương Sơn, xã Lương Sơn                                                              | UBND xã Lương Sơn  | 2.518                                                          | Điều chỉnh KH vốn để đảm bảo định mức |
| <b>8</b>  | <b>Xã Xuân Lộc</b>                                                                                                     |                    | <b>6.036</b>                                                   |                                       |
| -         | Đường vào làng Ná Khô thôn Chiềng, xã Xuân Lộc                                                                         | UBND xã Xuân Lộc   | 1.518                                                          | Bổ sung danh mục                      |
| -         | Đường giao thông thôn Cộc, xã Xuân Lộc (đoạn từ nhà ông Lục Đăng Thịnh đến nhà bà Phùng Thị Loan)                      | UBND xã Xuân Lộc   | 3.518                                                          | Bổ sung danh mục                      |
| -         | Mương Hón Lạn thôn Cộc, xã Xuân Lộc                                                                                    | UBND xã Xuân Lộc   | 1.000                                                          | Bổ sung danh mục                      |
| <b>9</b>  | <b>Xã Xuân Chinh</b>                                                                                                   |                    | <b>5.286</b>                                                   |                                       |
|           | Trạm Y tế xã Xuân Chinh                                                                                                | UBND xã Xuân Chinh | 4.286                                                          | Bổ sung danh mục                      |
|           | Mương thủy lợi từ thôn Tú Ấc đến thôn Chinh, xã Xuân Chinh                                                             | UBND xã Xuân Chinh | 1.000                                                          | Bổ sung danh mục                      |
| <b>10</b> | <b>Xã Xuân Lẹ</b>                                                                                                      |                    | <b>9.786</b>                                                   |                                       |
|           | Tuyến đường Thanh Niên thôn Xuân Ngủ, xã Xuân Lẹ                                                                       | UBND xã Xuân Lẹ    | 1.600                                                          | Bổ sung danh mục                      |
|           | Nhà văn hóa thôn Xuân Sơn, xã Xuân Lẹ                                                                                  | UBND xã Xuân Lẹ    | 1.794                                                          | Bổ sung danh mục                      |
|           | Đường giao thông thôn Bọng Năng, xã Xuân Lẹ                                                                            | UBND xã Xuân Lẹ    | 4.125                                                          | Bổ sung danh mục                      |
|           | Đường giao thông từ nhà ông Toàn Tâm đến nhà ông Thắng Nguyệt, thôn Lẹ Tà, xã Xuân Lẹ                                  | UBND xã Xuân Lẹ    | 2.267                                                          | Bổ sung danh mục                      |
| <b>11</b> | <b>Xã Luận Thành</b>                                                                                                   |                    | <b>2.518</b>                                                   |                                       |
|           | Đường giao thông từ nhà ông Lê Văn Bản đến nhà bà Nguyễn Thị Xuân thôn Tiến Hưng 2, xã Luận Thành                      | UBND xã Luận Thành | 1.259                                                          | Bổ sung danh mục                      |
|           | Đường giao thông từ sau Trạm Y tế xã đến nhà ông Lang Nhất Nông, thôn Tiến Hưng 1, xã Luận Thành                       | UBND xã Luận Thành | 1.259                                                          | Bổ sung danh mục                      |
| <b>12</b> | <b>Xã Vạn Xuân</b>                                                                                                     |                    | <b>2.518</b>                                                   |                                       |
|           | Đường giao thông thôn Hang Cẩu, xã Vạn Xuân (đoạn từ nhà ông Khang đến nhà ông Quyết và từ nhà ông Lý đến nhà ông Bản) | UBND xã Vạn Xuân   | 2.518                                                          | Bổ sung danh mục                      |
| <b>VI</b> | <b>HUYỆN QUAN HÓA</b>                                                                                                  |                    | <b>15.397</b>                                                  |                                       |
| <b>1</b>  | <b>Xã Hiền Kiệt</b>                                                                                                    |                    | <b>1.500</b>                                                   |                                       |
| -         | Nhà văn hoá bản Chiềng Cầm, xã Hiền Kiệt                                                                               | UBND xã Hiền Kiệt  | 1.500                                                          | Điều chỉnh KH vốn để đảm bảo định mức |



| TT          | Danh mục công trình/dự án                                                                                                     | Chủ đầu tư             | Kế hoạch vốn<br>ĐTPT nguồn<br>NSTW<br>giai đoạn<br>2021 - 2025 | Ghi chú                                  |
|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|----------------------------------------------------------------|------------------------------------------|
| <b>2</b>    | <b>Xã Nam Động</b>                                                                                                            |                        | <b>1.500</b>                                                   |                                          |
| -           | Nhà văn hoá bán Nót, xã Nam Động                                                                                              | UBND xã<br>Nam Động    | 1.500                                                          | Điều chỉnh KH vốn<br>để đảm bảo định mức |
| <b>3</b>    | <b>Xã Nam Tiến</b>                                                                                                            |                        | <b>3.900</b>                                                   |                                          |
| -           | Nhà văn hóa bán Ken, xã Nam Tiến                                                                                              | UBND xã<br>Nam Tiến    | 1.500                                                          | Điều chỉnh KH vốn<br>để đảm bảo định mức |
| -           | Nhà văn hóa bán Cùm, xã Nam Tiến                                                                                              | UBND xã<br>Nam Tiến    | 2.400                                                          |                                          |
| <b>4</b>    | <b>Xã Phú Lệ</b>                                                                                                              |                        | <b>2.387</b>                                                   |                                          |
| -           | Nâng cấp Mương Nà Mạ Bán Sại, xã Phú Lệ                                                                                       | UBND xã Phú<br>Lệ      | 1.487                                                          | Điều chỉnh KH vốn<br>để đảm bảo định mức |
| -           | Nâng cấp, sửa chữa, mở rộng nhà Văn Hóa bán Tân Phúc, xã Phú Lệ                                                               | UBND xã Phú<br>Lệ      | 900                                                            | Điều chỉnh danh mục dự án                |
| <b>5</b>    | <b>Xã Thành Sơn</b>                                                                                                           |                        | <b>1.500</b>                                                   |                                          |
| -           | Nâng cấp, sửa chữa công trình nước sinh hoạt tập trung bán Sơn Thành, xã Thành Sơn                                            | UBND xã<br>Thành Sơn   | 1.500                                                          | Điều chỉnh KH vốn<br>để đảm bảo định mức |
| <b>6</b>    | <b>Xã Trung Sơn</b>                                                                                                           |                        | <b>2.000</b>                                                   |                                          |
| -           | Nâng cấp đường giao thông nội thôn bán Pượn, xã Trung Sơn                                                                     | UBND xã<br>Trung Sơn   | 2.000                                                          | Điều chỉnh KH vốn<br>để đảm bảo định mức |
| <b>7</b>    | <b>Xã Phú Xuân</b>                                                                                                            |                        | <b>286</b>                                                     |                                          |
|             | Nâng cấp đường giao thông nội thôn bán Éo, xã Phú Xuân,                                                                       | UBND xã Phú<br>Xuân    | 286                                                            | Bổ sung danh mục                         |
| <b>8</b>    | <b>Xã Trung Thành</b>                                                                                                         |                        | <b>786</b>                                                     |                                          |
|             | Xây mới nhà Văn hóa bán Tân Lập, xã Trung Thành                                                                               | UBND xã<br>Trung Thành | 786                                                            | Bổ sung danh mục                         |
| <b>9</b>    | <b>Xã Nam Xuân</b>                                                                                                            |                        | <b>466</b>                                                     |                                          |
|             | Nâng cấp mặt đường giao thông bán Nam Tân                                                                                     | UBND xã<br>Nam Xuân    | 466                                                            | Bổ sung danh mục                         |
| <b>10</b>   | <b>Xã Phú Sơn</b>                                                                                                             |                        | <b>286</b>                                                     |                                          |
|             | Sửa chữa nhà Văn hóa Bán Chiềng, xã Phú Sơn                                                                                   | UBND xã Phú<br>Sơn     | 286                                                            | Bổ sung danh mục                         |
| <b>11</b>   | <b>Xã Hiền Chung</b>                                                                                                          |                        | <b>786</b>                                                     |                                          |
|             | Nâng cấp đường giao thông bán Yên, xã Hiền Chung                                                                              | UBND xã<br>Hiền Chung  | 786                                                            | Bổ sung danh mục                         |
| <b>VII</b>  | <b>HUYỆN NHƯ XUÂN</b>                                                                                                         |                        | <b>8.657</b>                                                   |                                          |
| <b>1</b>    | <b>Xã Thanh Xuân</b>                                                                                                          |                        | <b>5.287</b>                                                   |                                          |
| -           | Đường giao thông nông thôn xã Thanh Xuân: Tuyến 1 Từ nhà ông Huỳnh đi Xám Xà thôn Thanh Thủy; Tuyến 2 Nậm Đăm thôn Thanh Thủy | UBND xã<br>Thanh Xuân  | 5.287                                                          | Điều chỉnh danh mục<br>và KH vốn         |
| <b>2</b>    | <b>Xã Thượng Ninh</b>                                                                                                         |                        | <b>1.150</b>                                                   |                                          |
| -           | Công trình nước sạch tập trung                                                                                                | UBND xã<br>Thượng Ninh | 1.150                                                          |                                          |
| <b>3</b>    | <b>Xã Xuân Hòa</b>                                                                                                            |                        | <b>1.150</b>                                                   |                                          |
| -           | Nâng cấp mở rộng đường giao thông thôn Nghịu xã Xuân Hòa                                                                      | UBND xã<br>Xuân Hòa    | 1.150                                                          | Điều chỉnh danh mục dự án                |
| <b>4</b>    | <b>Xã Cát Vân</b>                                                                                                             |                        | <b>1.070</b>                                                   |                                          |
| -           | Nhà văn hóa thôn Vân Hòa                                                                                                      | UBND xã Cát<br>Vân     | 1.070                                                          | Điều chỉnh KH vốn<br>để đảm bảo định mức |
| <b>VIII</b> | <b>HUYỆN LANG CHÁNH</b>                                                                                                       |                        | <b>9.876</b>                                                   |                                          |
| <b>1</b>    | <b>Xã Giao An</b>                                                                                                             |                        | <b>2.518</b>                                                   |                                          |
| -           | Nâng cấp đường giao thông nội thôn Ang                                                                                        | UBND xã<br>Giao An     | 2.518                                                          | Điều chỉnh KH vốn<br>để đảm bảo định mức |
| <b>2</b>    | <b>Xã Đồng Lương</b>                                                                                                          |                        | <b>3.786</b>                                                   |                                          |
|             | Nhà Văn hoá và công trình phụ trợ thôn Quắc Quên xã Đồng Lương, huyện Lang Chánh                                              | UBND xã<br>Đồng Lương  | 3.786                                                          | Bổ sung danh mục                         |
| <b>3</b>    | <b>Xã Giao Thiện</b>                                                                                                          |                        | <b>1.786</b>                                                   |                                          |

| TT | Danh mục công trình/dự án                                                                            | Chủ đầu tư          | Kế hoạch vốn<br>ĐTPT nguồn<br>NSTW<br>giai đoạn<br>2021 - 2025 | Ghi chú                               |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|----------------------------------------------------------------|---------------------------------------|
|    | Đường giao thôn Chiềng Lăn, xã Giao Thiện, huyện Lang Chánh                                          | UBND xã Giao Thiện  | 1.786                                                          | Bổ sung danh mục                      |
| 4  | <b>Xã Lâm Phú</b>                                                                                    |                     | <b>1.786</b>                                                   |                                       |
|    | Cải tạo, nâng cấp sân, khuôn viên Trung tâm văn hoá, thể thao xã Lâm Phú.(địa điểm tại thôn Cháo Pi) | UBND xã Lâm Phú     | 1.786                                                          | Bổ sung danh mục                      |
| IX | <b>HUYỆN BÁ THUỐC</b>                                                                                |                     | <b>119.090</b>                                                 |                                       |
| 1  | <b>Xã Lương Trung</b>                                                                                |                     | <b>3.787</b>                                                   |                                       |
| -  | Đường giao thông thôn Trung Sơn                                                                      | UBND xã Lương Trung | 3.787                                                          | Điều chỉnh KH vốn để đảm bảo định mức |
| 2  | <b>Xã Kỳ Tân</b>                                                                                     |                     | <b>8.187</b>                                                   |                                       |
| -  | Nhà văn hóa thôn Bo Thượng                                                                           | UBND xã Kỳ Tân      | 1.400                                                          |                                       |
| -  | Nhà văn hóa thôn Bo Hạ                                                                               | UBND xã Kỳ Tân      | 1.400                                                          |                                       |
| -  | Trần giao thông qua suối thôn Bo Thượng                                                              | UBND xã Kỳ Tân      | 2.387                                                          | Đề nghị điều chỉnh KH vốn             |
| -  | Đường giao thông thôn Buốc                                                                           | UBND xã Kỳ Tân      | 800                                                            | Đề nghị điều chỉnh KH vốn             |
| -  | Đường GT khu dân cư Na Bó thôn Hiềng                                                                 | UBND xã Kỳ Tân      | 800                                                            | Đề nghị điều chỉnh KH vốn             |
| -  | Nhà văn hóa thôn Khả                                                                                 | UBND xã Kỳ Tân      | 1.400                                                          | Đề nghị điều chỉnh KH vốn             |
| 3  | <b>Xã Điền Quang</b>                                                                                 |                     | <b>5.787</b>                                                   |                                       |
| -  | Xây mới đường giao thông liên thôn                                                                   | UBND xã Điền Quang  | 3.787                                                          | Điều chỉnh KH vốn để đảm bảo định mức |
| -  | Nhà Văn hóa thôn Xê                                                                                  | UBND xã Điền Quang  | 1.000                                                          |                                       |
| -  | Nhà Văn hóa thôn Mít                                                                                 | UBND xã Điền Quang  | 1.000                                                          |                                       |
| 4  | <b>Xã Thiết Ống</b>                                                                                  |                     | <b>4.787</b>                                                   |                                       |
| -  | Nhà văn hoá thôn Quyết Thắng                                                                         | UBND xã Thiết Ống   | 800                                                            |                                       |
| -  | Nhà văn hoá thôn Đô                                                                                  | UBND xã Thiết Ống   | 800                                                            |                                       |
| -  | Nhà văn hoá thôn Chun                                                                                | UBND xã Thiết Ống   | 800                                                            | Điều chỉnh danh mục dự án             |
| -  | Nhà văn hoá thôn Nán                                                                                 | UBND xã Thiết Ống   | 800                                                            |                                       |
| -  | Nhà văn hoá thôn Trếch                                                                               | UBND xã Thiết Ống   | 800                                                            |                                       |
| -  | Nhà văn hoá thôn Liên Thành                                                                          | UBND xã Thiết Ống   | 787                                                            | Điều chỉnh KH vốn để đảm bảo định mức |
| 5  | <b>Xã Lương Nội</b>                                                                                  |                     | <b>5.287</b>                                                   |                                       |
| -  | Nhà hội trường Trung tâm VH-TT xã                                                                    | UBND xã Lương Nội   | 4.187                                                          | Điều chỉnh KH vốn để đảm bảo định mức |
| -  | Nhà văn hóa thôn Ấm                                                                                  | UBND xã Lương Nội   | 1.100                                                          |                                       |
| 6  | <b>Xã Lương Ngoại</b>                                                                                |                     | <b>4.787</b>                                                   |                                       |
| -  | Nhà lớp học Trường THCS xã Lương Ngoại                                                               | UBND xã Lương Ngoại | 4.787                                                          | Điều chỉnh KH vốn để đảm bảo định mức |
| 7  | <b>Xã Cổ Lũng</b>                                                                                    |                     | <b>9.787</b>                                                   |                                       |
| -  | Sân vận động xã                                                                                      | UBND xã Cổ Lũng     | 3.987                                                          | Điều chỉnh KH vốn để đảm bảo định mức |
| -  | Đường lên thác Hiều + Kè suối Hiều                                                                   | UBND xã Cổ Lũng     | 3.600                                                          |                                       |



| TT        | Danh mục công trình/dự án                                                        | Chủ đầu tư             | Kế hoạch vốn<br>ĐTPT nguồn<br>NSTW<br>giai đoạn<br>2021 - 2025 | Ghi chú                                  |
|-----------|----------------------------------------------------------------------------------|------------------------|----------------------------------------------------------------|------------------------------------------|
| -         | Nhà văn hóa thôn Tեն Mοί                                                         | UBND xã<br>Cổ Lũng     | 1.100                                                          |                                          |
| -         | Nhà văn hoá thôn Lác                                                             | UBND xã<br>Cổ Lũng     | 1.100                                                          |                                          |
| <b>8</b>  | <b>Xã Điện Hạ</b>                                                                |                        | <b>9.787</b>                                                   |                                          |
| -         | Nhà văn hóa thôn Sèo                                                             | UBND xã<br>Điện Hạ     | 1.100                                                          |                                          |
| -         | Nhà lớp học Trường trung học cơ sở xã                                            | UBND xã<br>Điện Hạ     | 3.500                                                          |                                          |
| -         | Nhà văn hoá thôn Xăm                                                             | UBND xã<br>Điện Hạ     | 1.100                                                          |                                          |
| -         | Đường giao thông thôn Đền                                                        | UBND xã<br>Điện Hạ     | 4.087                                                          | Điều chỉnh KH vốn<br>để đảm bảo định mức |
| <b>10</b> | <b>Xã Điện Thượng</b>                                                            |                        | <b>9.787</b>                                                   |                                          |
| -         | Nhà văn hóa thôn Lau                                                             | UBND xã<br>Điện Thượng | 1.100                                                          |                                          |
| -         | Sân vận động xã                                                                  | UBND xã<br>Điện Thượng | 3.987                                                          | Điều chỉnh KH vốn<br>để đảm bảo định mức |
| -         | Nhà chức năng trường THCS Điện Thượng                                            | UBND xã<br>Điện Thượng | 2.000                                                          |                                          |
| -         | Nhà văn hóa thôn Thượng Sơn                                                      | UBND xã<br>Điện Thượng | 1.100                                                          |                                          |
| -         | Đường giao thông thôn Lau                                                        | UBND xã<br>Điện Thượng | 1.600                                                          |                                          |
| <b>11</b> | <b>Xã Hạ Trung</b>                                                               |                        | <b>9.787</b>                                                   |                                          |
| -         | Phòng học và nhà hiệu bộ Trường tiểu học xã                                      | UBND xã Hạ<br>Trung    | 5.287                                                          | Điều chỉnh KH vốn<br>để đảm bảo định mức |
| -         | Sân vận động xã                                                                  | UBND xã Hạ<br>Trung    | 4.500                                                          |                                          |
| <b>12</b> | <b>Xã Lũng Cao</b>                                                               |                        | <b>9.787</b>                                                   |                                          |
| -         | Đường giao thông thôn Pồn Thành Công (đi Khu tái<br>định cư thôn Pồn Thành Công) | UBND xã<br>Lũng Cao    | 5.287                                                          | Điều chỉnh KH vốn<br>để đảm bảo định mức |
| -         | Cầu Thôn Hìn                                                                     | UBND xã<br>Lũng Cao    | 4.500                                                          |                                          |
| <b>13</b> | <b>Xã Thiết Kế</b>                                                               |                        | <b>9.787</b>                                                   |                                          |
| -         | Xây mới phòng học và các phòng chức năng trường<br>trung học cơ sở               | UBND xã<br>Thiết Kế    | 4.787                                                          | Điều chỉnh KH vốn<br>để đảm bảo định mức |
| -         | Xây mới các hạng mục phụ trợ trạm y tế                                           | UBND xã<br>Thiết Kế    | 1.200                                                          |                                          |
| -         | Sân vận động xã                                                                  | UBND xã<br>Thiết Kế    | 3.800                                                          |                                          |
| <b>14</b> | <b>Xã Văn Nho</b>                                                                |                        | <b>9.787</b>                                                   |                                          |
| -         | Đường giao thông liên thôn                                                       | UBND xã Văn<br>Nho     | 4.800                                                          |                                          |
| -         | Xây mới 8 phòng học trường tiểu học và các công<br>trình phụ trợ                 | UBND xã Văn<br>Nho     | 4.987                                                          | Điều chỉnh KH vốn<br>để đảm bảo định mức |
| <b>15</b> | <b>Xã Ái Thượng</b>                                                              |                        | <b>6.350</b>                                                   |                                          |
| -         | Nhà lớp học trường tiểu học Ái Thượng                                            | UBND xã Ái<br>Thượng   | 6.350                                                          |                                          |
| <b>16</b> | <b>Xã Ban Công</b>                                                               |                        | <b>5.787</b>                                                   |                                          |
| -         | Nhà lớp học Trường trung học cơ sở Ban Công                                      | UBND xã Ban<br>Công    | 5.787                                                          | Điều chỉnh KH vốn<br>để đảm bảo định mức |
| <b>17</b> | <b>Xã Điện Trung</b>                                                             |                        | <b>2.518</b>                                                   |                                          |
|           | Sân vận động xã Điện Trung                                                       | UBND xã<br>Điện Trung  | 1.259                                                          | Bổ sung danh mục                         |
|           | Nhà văn hoá thôn Cò Lượn, xã Điện Trung                                          | UBND xã<br>Điện Trung  | 1.259                                                          | Bổ sung danh mục                         |

| TT  | Danh mục công trình/dự án                                                                                                                 | Chủ đầu tư             | Kế hoạch vốn<br>ĐTPT nguồn<br>NSTW<br>giai đoạn<br>2021 - 2025 | Ghi chú                                  |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|----------------------------------------------------------------|------------------------------------------|
| 18  | <b>Xã Lũng Niêm</b>                                                                                                                       |                        | 2.518                                                          |                                          |
|     | Nhà văn hoá thôn Phố Đoàn                                                                                                                 | UBND xã<br>Lũng Niêm   | 700                                                            | Bổ sung danh mục                         |
|     | Công trình nước sinh hoạt tập trung thôn Lặn Ngoài                                                                                        | UBND xã<br>Lũng Niêm   | 1.818                                                          | Bổ sung danh mục                         |
| 19  | <b>Xã Thành Lâm</b>                                                                                                                       |                        | 786                                                            |                                          |
|     | Các hạng mục phụ trợ của nhà văn hoá thôn Đôn                                                                                             | UBND xã<br>Thành Lâm   | 786                                                            | Bổ sung danh mục                         |
| X   | <b>HUYỆN QUẢNG XƯƠNG</b>                                                                                                                  |                        | 22.361                                                         |                                          |
| 1   | <b>Xã Quảng Giao</b>                                                                                                                      |                        | 2.475                                                          |                                          |
| -   | Đường giao thông kèm mương thoát nước từ ngõ anh<br>Lực Hải thôn 7 đi ngõ anh Văn thôn 9                                                  | UBND xã<br>Quảng Giao  | 2.475                                                          | Điều chỉnh KH vốn<br>để đảm bảo định mức |
| 2   | <b>Xã Quảng Nhân</b>                                                                                                                      |                        | 2.475                                                          |                                          |
| -   | Xây dựng nhà văn hóa thôn 1 xã Quảng Nhân                                                                                                 | UBND xã<br>Quảng Nhân  | 1.000                                                          |                                          |
| -   | Xây dựng nhà văn hóa thôn 4 xã Quảng Nhân                                                                                                 | UBND xã<br>Quảng Nhân  | 1.475                                                          | Điều chỉnh KH vốn<br>để đảm bảo định mức |
| 3   | <b>Xã Quảng Hải</b>                                                                                                                       |                        | 2.475                                                          |                                          |
| -   | Nhà điều trị, công và khuôn viên trạm y tế xã                                                                                             | UBND xã<br>Quảng Hải   | 2.475                                                          | Điều chỉnh KH vốn<br>để đảm bảo định mức |
| 4   | <b>Xã Quảng Phúc</b>                                                                                                                      |                        | 2.475                                                          |                                          |
| -   | Xây dựng Đường giao thông từ Ngã ba ô Sơn Hường<br>thôn Văn Giáo đi đường Trường-Lĩnh                                                     | UBND xã<br>Quảng Phúc  | 1.000                                                          |                                          |
| -   | Xây dựng tuyến đường từ ông Sơn đến ô Nguyễn và<br>đường Thanh Niên đến thôn Ngọc Bình                                                    | UBND xã<br>Quảng Phúc  | 1.475                                                          | Điều chỉnh KH vốn<br>để đảm bảo định mức |
| 5   | <b>Xã Quảng Văn</b>                                                                                                                       |                        | 2.518                                                          |                                          |
| -   | Cải tạo bếp ăn tập thể, khu nhà lớp học, hiệu bộ 2<br>tầng, 8 phòng; khuôn viên và một số hạng mục phụ<br>trợ trường Mầm non xã Quảng Văn | UBND xã<br>Quảng Văn   | 2.518                                                          | Điều chỉnh danh mục<br>và KH vốn         |
| 6   | <b>Xã Quảng Khê</b>                                                                                                                       |                        | 2.475                                                          |                                          |
| -   | Đường giao thông Thôn Kỳ Khôi                                                                                                             | UBND xã<br>Quảng Khê   | 2.475                                                          | Điều chỉnh KH vốn<br>để đảm bảo định mức |
| 7   | <b>Xã Quảng Thạch</b>                                                                                                                     |                        | 2.475                                                          |                                          |
| -   | Đường ra bến tránh trú bão                                                                                                                | UBND xã<br>Quảng Thạch | 2.475                                                          | Điều chỉnh KH vốn<br>để đảm bảo định mức |
| 8   | <b>Xã Quảng Long</b>                                                                                                                      |                        | 2.518                                                          |                                          |
| -   | Đường từ Xuân Bàng, thôn Xuân Tiến đi xã Quảng<br>Văn                                                                                     | UBND xã<br>Quảng Long  | 2.518                                                          | Điều chỉnh danh mục<br>và KH vốn         |
| 9   | <b>Xã Quảng Thái</b>                                                                                                                      |                        | 2.475                                                          |                                          |
| -   | Đường và mương thoát nước từ ngõ ông Tích thôn 1<br>ra biển                                                                               | UBND xã<br>Quảng Thái  | 1.000                                                          |                                          |
| -   | Xây mới nhà văn hóa thôn 5                                                                                                                | UBND xã<br>Quảng Thái  | 1.475                                                          | Điều chỉnh KH vốn<br>để đảm bảo định mức |
| XI  | <b>THỊ XÃ BÌM SƠN</b>                                                                                                                     |                        | 1.816                                                          |                                          |
| 1   | <b>Xã Quang Trung</b>                                                                                                                     |                        | 1.816                                                          |                                          |
| -   | Nâng cấp tuyến đường Trần Khánh Dư xã Quang<br>Trung (Hạng mục: Rãnh thoát nước mặt)                                                      | UBND xã<br>Quang Trung | 910                                                            | Bổ sung danh mục                         |
| -   | Cải tạo sửa chữa trạm y tế xã Quang Trung                                                                                                 | UBND xã<br>Quang Trung | 906                                                            | Bổ sung danh mục                         |
| XII | <b>HUYỆN HOÀNG HÓA</b>                                                                                                                    |                        | 42.326                                                         |                                          |
| 1   | <b>Xã Hoàng Phú</b>                                                                                                                       |                        | 2.470                                                          |                                          |
| -   | Tuyến đường từ Cổng phốc đi trường tiểu học Hoàng<br>Phú                                                                                  | UBND xã<br>Hoàng Phú   | 2.470                                                          | Điều chỉnh KH vốn<br>để đảm bảo định mức |
| 2   | <b>Xã Hoàng Quý</b>                                                                                                                       |                        | 2.470                                                          |                                          |
| -   | Nhà thi đấu đa năng                                                                                                                       | UBND xã<br>Hoàng Quý   | 2.470                                                          | Điều chỉnh KH vốn<br>để đảm bảo định mức |
| 3   | <b>Xã Hoàng Trinh</b>                                                                                                                     |                        | 2.518                                                          |                                          |



| TT   | Danh mục công trình/dự án                                                                                                                                                | Chủ đầu tư           | Kế hoạch vốn<br>ĐTPT nguồn<br>NSTW<br>giai đoạn<br>2021 - 2025 | Ghi chú                               |
|------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------------------|---------------------------------------|
| -    | Nâng cấp cải tạo đường giao thông nông thôn dọc kênh N3 từ xã Hoàng Trinh đi xã Hoàng Kim                                                                                | UBND xã Hoàng Trinh  | 2.518                                                          | Điều chỉnh danh mục và KH vốn         |
| 4    | <b>Xã Hoàng Quỳ</b>                                                                                                                                                      |                      | 2.518                                                          |                                       |
| -    | Xây dựng khu hiệu bộ, các phòng chức năng trường THCS Nguyễn Văn Trỗi, xã Hoàng Quỳ                                                                                      | UBND xã Hoàng Quỳ    | 2.518                                                          | Điều chỉnh danh mục và KH vốn         |
| 5    | <b>Xã Hoàng Cát</b>                                                                                                                                                      |                      | 2.518                                                          |                                       |
| -    | Xây dựng phòng học đa năng Trường THCS xã Hoàng Cát                                                                                                                      | UBND xã Hoàng Cát    | 2.518                                                          | Điều chỉnh danh mục và KH vốn dự án   |
| 6    | <b>Xã Hoàng Đức</b>                                                                                                                                                      |                      | 2.470                                                          |                                       |
| -    | Tuyến đường giao thông nông thôn kẹp mương thoát nước khu dân cư xã Hoàng Đức (Tuyến từ thôn Phú Thịnh đến ngã ba thôn Phúc Lộc)                                         | UBND Hoàng Đức       | 2.470                                                          | Điều chỉnh KH vốn để đảm bảo định mức |
| 7    | <b>Xã Hoàng Hà</b>                                                                                                                                                       |                      | 2.518                                                          |                                       |
| -    | Đường giao thông nông thôn xã Hoàng Hà, tuyến từ TBA 3 đi thôn Ngọc Đình                                                                                                 | UBND xã Hoàng Hà     | 2.518                                                          | Điều chỉnh danh mục và KH vốn dự án   |
| 8    | <b>Xã Hoàng Đạt</b>                                                                                                                                                      |                      | 2.470                                                          |                                       |
| -    | Dự án: Nâng cấp, mở rộng sân vận động trung tâm và khu chức năng văn hóa thể thao xã                                                                                     | UBND xã Hoàng Đạt    | 2.470                                                          | Điều chỉnh KH vốn để đảm bảo định mức |
| 9    | <b>Xã Hoàng Thắng</b>                                                                                                                                                    |                      | 2.470                                                          |                                       |
| -    | Nâng cấp, mở rộng tuyến đường giao thông nông thôn, rãnh thoát nước 2 bên (Tuyến từ Trạm điện Thôn Hồng Nhuệ 2 đến Nhà văn hóa Hồng Nhuệ đến Ngã tư nhà ông Mậu Gia Hòa) | UBND xã Hoàng Thắng  | 2.470                                                          | Điều chỉnh KH vốn để đảm bảo định mức |
| 10   | <b>Xã Hoàng Đạo</b>                                                                                                                                                      |                      | 2.470                                                          |                                       |
| -    | Kênh tưới vùng quy hoạch sản xuất                                                                                                                                        | UBND xã Hoàng Đạo    | 2.470                                                          | Điều chỉnh KH vốn để đảm bảo định mức |
| 11   | <b>Xã Hoàng Thịnh</b>                                                                                                                                                    |                      | 2.470                                                          |                                       |
| -    | Trường Tiểu học Hoàng Thịnh                                                                                                                                              | UBND xã Hoàng Thịnh  | 2.470                                                          | Điều chỉnh KH vốn để đảm bảo định mức |
| 12   | <b>Xã Hoàng Ngọc</b>                                                                                                                                                     |                      | 2.470                                                          |                                       |
| -    | Tuyến đường giao thông liên thôn từ thôn 3 đến thôn 1                                                                                                                    | UBND xã Hoàng Ngọc   | 2.470                                                          | Điều chỉnh KH vốn để đảm bảo định mức |
| 13   | <b>Xã Hoàng Phụ</b>                                                                                                                                                      |                      | 2.518                                                          |                                       |
| -    | Trường THCS xã Hoàng Phụ. Hạng mục: Nhà lớp học, phòng chức năng và công trình phụ trợ                                                                                   | UBND xã Hoàng Phụ    | 2.518                                                          | Điều chỉnh danh mục và KH vốn dự án   |
| 14   | <b>Xã Hoàng Trường</b>                                                                                                                                                   |                      | 2.518                                                          |                                       |
| -    | Đường giao thông 6 m thôn 1 từ nhà Bà Vân đi nhà Ông Nghị xã Hoàng Trường                                                                                                | UBND xã Hoàng Trường | 2.518                                                          | Điều chỉnh danh mục và KH vốn dự án   |
| 15   | <b>Xã Hoàng Thành</b>                                                                                                                                                    |                      | 2.470                                                          |                                       |
| -    | Nhà văn hóa + khu thể thao Thôn 3                                                                                                                                        | UBND xã Hoàng Thành  | 1.235                                                          |                                       |
| -    | Nhà văn hóa + khu thể thao Thôn 2                                                                                                                                        | UBND xã Hoàng Thành  | 1.235                                                          | Điều chỉnh KH vốn để đảm bảo định mức |
| 16   | <b>Xã Hoàng Thanh</b>                                                                                                                                                    |                      | 2.470                                                          |                                       |
| -    | Đường giao thông từ nhà Ông Nghĩa Hòa thôn Trung Hải qua nhà Ông Hạnh thôn Đông Tây Hải đến tiếp giáp thôn Đông Xuân vì                                                  | UBND xã Hoàng Thanh  | 2.470                                                          | Điều chỉnh KH vốn để đảm bảo định mức |
| 17   | <b>Xã Hoàng Trạch</b>                                                                                                                                                    |                      | 2.518                                                          |                                       |
| -    | Trạm y tế xã Hoàng Trạch                                                                                                                                                 | UBND xã Hoàng Trạch  | 2.518                                                          | Đề nghị điều chỉnh KH vốn             |
| XIII | <b>HUYỆN NGA SƠN</b>                                                                                                                                                     |                      | 26.990                                                         |                                       |
| 1    | <b>Xã Nga Điền</b>                                                                                                                                                       |                      | 2.400                                                          |                                       |
| -    | Công trình đường GTNT                                                                                                                                                    | UBND xã Nga Điền     | 2.400                                                          | Điều chỉnh KH vốn để đảm bảo định mức |
| 2    | <b>Xã Nga Phượng</b>                                                                                                                                                     |                      | 2.518                                                          |                                       |

| TT  | Danh mục công trình/dự án                                      | Chủ đầu tư         | Kế hoạch vốn<br>ĐTPT nguồn<br>NSTW<br>giai đoạn<br>2021 - 2025 | Ghi chú                               |
|-----|----------------------------------------------------------------|--------------------|----------------------------------------------------------------|---------------------------------------|
| -   | Đường giao thông thôn nội đồng Nga Phượng                      | UBND xã Nga Phượng | 2.518                                                          | Điều chỉnh danh mục và KH vốn dự án   |
| 3   | Xã Nga Thái                                                    |                    | 2.518                                                          |                                       |
| -   | Công trình đường GTNT                                          | UBND xã Nga Thái   | 2.518                                                          | Điều chỉnh KH vốn để đảm bảo định mức |
| 4   | Xã Nga Giáp                                                    |                    | 2.518                                                          |                                       |
| -   | Đường giao thông thôn Ngoại I                                  | UBND xã Nga Giáp   | 480                                                            | Điều chỉnh danh mục và KH vốn dự án   |
| -   | Đường giao thông nội đồng                                      | UBND xã Nga Giáp   | 2.038                                                          |                                       |
| 5   | Xã Nga Văn                                                     |                    | 2.518                                                          |                                       |
| -   | Công trình đường GTNT                                          | UBND xã Nga Văn    | 2.518                                                          | Điều chỉnh KH vốn để đảm bảo định mức |
| 6   | Xã Nga Thủy                                                    |                    | 2.518                                                          |                                       |
| -   | Công trình đường GTNT                                          | UBND xã Nga Thủy   | 2.518                                                          | Điều chỉnh KH vốn để đảm bảo định mức |
| 8   | Xã Nga Thanh                                                   |                    | 2.400                                                          |                                       |
| -   | Công trình đường GTNT                                          | UBND xã Nga Thanh  | 2.400                                                          | Điều chỉnh KH vốn để đảm bảo định mức |
| 9   | Xã Nga Tân                                                     |                    | 2.400                                                          |                                       |
| -   | Công trình đường GTNT                                          | UBND xã Nga Tân    | 2.400                                                          | Điều chỉnh KH vốn để đảm bảo định mức |
| 10  | Xã Nga Tiến                                                    |                    | 2.400                                                          |                                       |
| -   | Công trình đường GTNT                                          | UBND xã Nga Tiến   | 2.400                                                          | Điều chỉnh KH vốn để đảm bảo định mức |
| 11  | Xã Nga Thiện                                                   |                    | 2.400                                                          |                                       |
| -   | Công trình đường GTNT                                          | UBND xã Nga Thiện  | 2.400                                                          | Điều chỉnh KH vốn để đảm bảo định mức |
| 12  | Xã Ba Đình                                                     |                    | 2.400                                                          |                                       |
| -   | Công trình đường GTNT                                          | UBND xã Ba Đình    | 2.400                                                          | Điều chỉnh KH vốn để đảm bảo định mức |
| XIV | HUYỆN HẬU LỘC                                                  |                    | 20.197                                                         |                                       |
| 1   | Xã Đại Lộc                                                     |                    | 2.518                                                          |                                       |
| -   | Bê tông hóa Kênh mương hàng dừa từ Quốc lộ 1A đến mương B3     | UBND xã Đại Lộc    | 2.518                                                          | Điều chỉnh danh mục và KH vốn dự án   |
| 2   | Xã Triệu Lộc                                                   |                    | 2.518                                                          |                                       |
| -   | Đường giao thông nông thôn thôn Quyết Thắng                    | UBND xã Triệu Lộc  | 2.518                                                          | Điều chỉnh danh mục và KH vốn dự án   |
| 3   | Xã Lộc Sơn                                                     |                    | 2.518                                                          |                                       |
| -   | Nâng cấp cải tạo tuyến kênh B6 xã Lộc Sơn                      | UBND xã Lộc Sơn    | 2.518                                                          | Điều chỉnh danh mục và KH vốn dự án   |
| 4   | Xã Thành Lộc                                                   |                    | 2.518                                                          |                                       |
| -   | Nhà lớp học 2 tầng, 4 phòng học trường Mầm non Thành Lộc       | UBND xã Thành Lộc  | 2.518                                                          | Điều chỉnh danh mục và KH vốn dự án   |
| 5   | Xã Hòa Lộc                                                     |                    | 2.518                                                          |                                       |
| -   | Bê tông hóa Mương tiêu từ Tây Trường di ông Bình Quang         | UBND xã Hòa Lộc    | 2.518                                                          | Điều chỉnh danh mục và KH vốn dự án   |
| 6   | Xã Đa Lộc                                                      |                    | 2.518                                                          |                                       |
| -   | Đường giao thông nông thôn từ Trạm y tế di ông Cự              | UBND xã Đa Lộc     | 2.518                                                          | Điều chỉnh danh mục và KH vốn dự án   |
| 7   | Xã Cầu Lộc                                                     |                    | 1.363                                                          |                                       |
|     | Nâng cấp, cải tạo tuyến mương tiêu thôn Thiều Xá 2, xã Cầu Lộc | UBND xã Cầu Lộc    | 1.363                                                          | Bổ sung danh mục                      |
| 8   | Xã Đồng Lộc                                                    |                    | 2.363                                                          |                                       |
|     | Nâng cấp, cải tạo tuyến đường giao thông nội đồng              | UBND xã Đồng Lộc   | 2.363                                                          | Bổ sung danh mục                      |





| TT  | Danh mục công trình/dự án                                                                                                   | Chủ đầu tư         | Kế hoạch vốn<br>ĐTPT nguồn<br>NSTW<br>giai đoạn<br>2021 - 2025 | Ghi chú                               |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|----------------------------------------------------------------|---------------------------------------|
| 9   | <b>Xã Phong Lộc</b>                                                                                                         |                    | 1.363                                                          |                                       |
|     | Nâng cấp, cải tạo tuyến mương tiêu đoạn từ ông Cừ đi anh Thọ thôn Lộc Động                                                  | UBND xã Phong Lộc  | 1.363                                                          | Bổ sung danh mục                      |
| XV  | <b>THỊ XÃ NGHI SƠN</b>                                                                                                      |                    | 27.664                                                         |                                       |
| 1   | <b>Xã Phú Sơn</b>                                                                                                           |                    | 2.787                                                          |                                       |
| -   | Xây dựng sân vận động xã Phú Sơn, thị xã Nghi Sơn                                                                           | UBND xã Phú Sơn    | 2.787                                                          | Điều chỉnh KH vốn để đảm bảo định mức |
| 2   | <b>Xã Phú Lâm</b>                                                                                                           |                    | 9.787                                                          |                                       |
| -   | Xây mới nhà lớp học 2 tầng 10 phòng và một số hạng mục phụ trợ trường tiểu học xã Phú Lâm                                   | UBND xã Phú Lâm    | 9.787                                                          | Điều chỉnh KH vốn để đảm bảo định mức |
| 3   | <b>Xã Các Sơn</b>                                                                                                           |                    | 2.518                                                          |                                       |
| -   | Kiên cố hóa kênh mương thôn Lạn, kênh mương tưới thôn Đông đi kênh Bắc; Kênh mương Hau Hấu thôn Song đi đường 512 thôn Đông | UBND xã Các Sơn    | 1.498                                                          | Điều chỉnh KH vốn để đảm bảo định mức |
| -   | Nâng cấp tuyến đường từ thôn Song xã Hùng Sơn (cũ) đi trung tâm xã                                                          | UBND xã Các Sơn    | 1.020                                                          |                                       |
| 4   | <b>Xã Thanh Thủy</b>                                                                                                        |                    | 2.518                                                          |                                       |
| -   | Trung tâm văn hóa xã Thanh Thủy, thị xã Nghi Sơn                                                                            | UBND xã Thanh Thủy | 2.518                                                          | Điều chỉnh KH vốn để đảm bảo định mức |
| 5   | <b>Xã Ngọc Lĩnh</b>                                                                                                         |                    | 2.500                                                          |                                       |
| -   | Đường giao thông liên thôn xã Ngọc Lĩnh, thị xã Nghi Sơn                                                                    | UBND xã Ngọc Lĩnh  | 2.500                                                          | Điều chỉnh KH vốn để đảm bảo định mức |
| 6   | <b>Xã Định Hải</b>                                                                                                          |                    | 2.518                                                          |                                       |
| -   | Tuyến kênh tưới tiêu xã Định Hải, thị xã Nghi Sơn.                                                                          | UBND xã Định Hải   | 2.518                                                          | Điều chỉnh KH vốn để đảm bảo định mức |
| 7   | <b>Xã Thanh Sơn</b>                                                                                                         |                    | 2.518                                                          |                                       |
| -   | Xây dựng các tuyến đường giao thông nông thôn xã Thanh Sơn, thị xã Nghi Sơn                                                 | UBND xã Thanh Sơn  | 2.518                                                          | Điều chỉnh KH vốn để đảm bảo định mức |
| 8   | <b>Xã Anh Sơn</b>                                                                                                           |                    | 2.518                                                          |                                       |
| -   | Xây dựng đường giao thông nội đồng xã Anh Sơn, thị xã Nghi Sơn                                                              | UBND xã Anh Sơn    | 2.518                                                          | Điều chỉnh KH vốn để đảm bảo định mức |
| XVI | <b>HUYỆN YÊN ĐỊNH</b>                                                                                                       |                    | 22.662                                                         |                                       |
| 1   | <b>Xã Định Tăng</b>                                                                                                         |                    | 2.518                                                          |                                       |
| -   | Nhà thi đấu đa năng xã Định Tăng                                                                                            | UBND xã Định Tăng  | 2.518                                                          | Điều chỉnh danh mục và KH vốn dự án   |
| 2   | <b>Xã Định Hải</b>                                                                                                          |                    | 2.518                                                          |                                       |
| -   | Đường giao thông thôn Ái thôn đi thôn Duyên Lộc, xã Định Hải                                                                | UBND xã Định Hải   | 2.518                                                          | Điều chỉnh KH vốn để đảm bảo định mức |
| 3   | <b>Xã Yên Phú</b>                                                                                                           |                    | 2.518                                                          |                                       |
| -   | Nâng cấp, cải tạo Trường Mầm non xã Yên Phú                                                                                 | UBND xã Yên Phú    | 2.518                                                          | Điều chỉnh danh mục và KH vốn dự án   |
| 4   | <b>Xã Yên Lạc</b>                                                                                                           |                    | 2.518                                                          |                                       |
| -   | Đường giao thông nông thôn xã Yên Lạc                                                                                       | UBND xã Yên Lạc    | 2.518                                                          | Điều chỉnh danh mục và KH vốn dự án   |
| 5   | <b>Xã Định Tiến</b>                                                                                                         |                    | 2.518                                                          |                                       |
| -   | Nhà thi đấu đa năng xã Định Tiến                                                                                            | UBND xã Định Tiến  | 2.518                                                          | Điều chỉnh danh mục và KH vốn dự án   |
| 6   | <b>Xã Yên Thọ</b>                                                                                                           |                    | 2.518                                                          |                                       |
| -   | Đường giao thông nông thôn thôn Tu Mục 2 và Đan Nê 2 xã Yên Thọ                                                             | UBND xã Yên Thọ    | 2.518                                                          | Điều chỉnh danh mục và KH vốn dự án   |
| 7   | <b>Xã Định Công</b>                                                                                                         |                    | 2.518                                                          |                                       |
| -   | Nâng cấp, cải tạo Trường mầm non xã Định Công                                                                               | UBND xã Định Công  | 2.518                                                          | Điều chỉnh danh mục và KH vốn dự án   |
| 8   | <b>Xã Định Thành</b>                                                                                                        |                    | 2.518                                                          |                                       |
| -   | Trường mầm non xã Định Thành (phòng học và phòng chức năng)                                                                 | UBND xã Định Thành | 2.518                                                          | Điều chỉnh KH vốn để đảm bảo định mức |

| TT           | Danh mục công trình/dự án                                                                                                             | Chủ đầu tư          | Kế hoạch vốn<br>ĐTPT nguồn<br>NSTW<br>giai đoạn<br>2021 - 2025 | Ghi chú                               |
|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|----------------------------------------------------------------|---------------------------------------|
| 9            | <b>Xã Yên Hùng</b>                                                                                                                    |                     | <b>2.518</b>                                                   |                                       |
| -            | Nâng cấp, cải tạo Trường tiểu học xã Yên Hùng                                                                                         | UBND xã Yên Hùng    | 2.518                                                          | Điều chỉnh danh mục và KH vốn dự án   |
| <b>XVII</b>  | <b>HUYỆN ĐÔNG SƠN</b>                                                                                                                 |                     | <b>10.072</b>                                                  |                                       |
| <b>1</b>     | <b>xã Đông Hoàng</b>                                                                                                                  |                     | <b>2.518</b>                                                   |                                       |
| -            | Xây dựng kênh mương bê tông nội đồng xã Đông Hoàng; Tuyến kênh B5/10A đi thôn Cẩm Tú xã Đông Hoàng                                    | UBND xã Đông Hoàng  | 2.518                                                          | Bổ sung danh mục                      |
| <b>2</b>     | <b>Xã Đông Hòa</b>                                                                                                                    |                     | <b>2.518</b>                                                   |                                       |
| -            | Xây dựng kênh mương nội đồng xã Đông Hòa, Tuyến kênh Cồn Cam - Thôn Phú Minh.                                                         | UBND xã Đông Hòa    | 2.518                                                          | Bổ sung danh mục                      |
| <b>3</b>     | <b>Xã Đông Quang</b>                                                                                                                  |                     | <b>2.518</b>                                                   |                                       |
| -            | Nâng cấp, cải tạo hệ thống kênh từ nhà Ông Nhung thôn Văn Ba đến cống đập tràn nắp bộ, xã Đông Quang                                  | UBND xã Đông Quang  | 2.518                                                          | Bổ sung danh mục                      |
| <b>4</b>     | <b>Xã Đông Phú</b>                                                                                                                    |                     | <b>2.518</b>                                                   |                                       |
| -            | Nâng cấp, cải tạo kênh mương từ giáp kênh cầu Đình đi HTX Hát Bình thôn Hoàng Văn, xã Đông Phú                                        | UBND xã Đông Phú    | 2.518                                                          | Bổ sung danh mục                      |
| <b>XVIII</b> | <b>HUYỆN THỌ XUÂN</b>                                                                                                                 |                     | <b>20.662</b>                                                  |                                       |
| <b>1</b>     | <b>Xã Xuân Phú</b>                                                                                                                    |                     | <b>2.518</b>                                                   |                                       |
| -            | Đường giao thông trục chính xã Xuân Phú                                                                                               | UBND xã Xuân Phú    | 2.518                                                          | Điều chỉnh danh mục và KH vốn dự án   |
| <b>2</b>     | <b>Xã Xuân Hưng</b>                                                                                                                   |                     | <b>2.518</b>                                                   |                                       |
| -            | Đường giao thông từ Cống lữ Xuân Thanh đi nhà Văn hóa thôn Thống Nhất, xã Xuân Hưng                                                   | UBND xã Xuân Hưng   | 1.268                                                          | Điều chỉnh danh mục và KH vốn dự án   |
| -            | Đường giao thông từ cây xăng Xuân Hưng đi nhà văn hóa thôn Xuân Vinh, xã Xuân Hưng                                                    | UBND xã Xuân Hưng   | 1.250                                                          | Điều chỉnh danh mục dự án             |
| <b>3</b>     | <b>Xã Thọ Diên</b>                                                                                                                    |                     | <b>2.518</b>                                                   |                                       |
| -            | Nâng cấp, cải tạo chỉnh trang tuyến đường xóm Cống đi chùa Ngọc Linh, xã Thọ Diên                                                     | UBND xã Thọ Diên    | 2.518                                                          | Điều chỉnh danh mục và KH vốn dự án   |
| <b>4</b>     | <b>Xã Xuân Phong</b>                                                                                                                  |                     | <b>2.518</b>                                                   |                                       |
| -            | Công trình đường giao thông từ Cầu Phú Thọ đi Quốc lộ 47C, huyện Thọ Xuân                                                             | UBND xã Xuân Phong  | 2.518                                                          | Đề nghị điều chỉnh kế hoạch vốn       |
| <b>5</b>     | <b>Xã Trường Xuân</b>                                                                                                                 |                     | <b>2.518</b>                                                   |                                       |
| -            | Đường giao thông thôn Long Linh Ngoại 1, Long Linh Ngoại 2                                                                            | UBND xã Trường Xuân | 1.518                                                          | Điều chỉnh danh mục và KH vốn dự án   |
| -            | Xây dựng đường giao thông nối từ 506C từ cống Chợ Khu đi thôn Phú Hậu 2, xã Trường Xuân                                               | UBND xã Trường Xuân | 1.000                                                          | Điều chỉnh danh mục dự án             |
| <b>6</b>     | <b>Xã Xuân Thiên</b>                                                                                                                  |                     | <b>2.518</b>                                                   |                                       |
| -            | Đường giao thông trục chính nội đồng từ thôn Thống Nhất đến thôn Quảng Phúc                                                           | UBND xã Xuân Thiên  | 2.518                                                          | Điều chỉnh danh mục và KH vốn dự án   |
| <b>7</b>     | <b>Xã Thuận Minh</b>                                                                                                                  |                     | <b>2.518</b>                                                   |                                       |
| -            | Công trình xây mới 02 phòng học 2 tầng, nâng cấp, tu bổ, cải tạo các lớp học, nhà hiệu bộ, kho, nâng cấp sân trường Mầm non Xuân Châu | UBND xã Thuận Minh  | 2.518                                                          | Điều chỉnh danh mục và KH vốn dự án   |
| <b>8</b>     | <b>Xã Quảng Phú</b>                                                                                                                   |                     | <b>2.518</b>                                                   |                                       |
| -            | Sân vận động, Trung tâm xã và đường nối từ sân vận động đến đường giao thông thôn 7                                                   | UBND xã Quảng Phú   | 2.518                                                          | Điều chỉnh danh mục và KH vốn dự án   |
| <b>9</b>     | <b>Xã Nam Giang</b>                                                                                                                   |                     | <b>518</b>                                                     |                                       |
| -            | Đường Nam Bắc Thành, xã Nam Giang, huyện Thọ Xuân                                                                                     | UBND xã Nam Giang   | 518                                                            | Điều chỉnh danh mục và KH vốn dự án   |
| <b>XIX</b>   | <b>HUYỆN THIỆU HÓA</b>                                                                                                                |                     | <b>34.736</b>                                                  |                                       |
| <b>1</b>     | <b>Xã Thiệu Vận</b>                                                                                                                   |                     | <b>2.475</b>                                                   |                                       |
| -            | Nâng cấp, cải tạo đường giao thông từ ĐT 515 đi đê hữu sông Chu                                                                       | UBND xã Thiệu Vận   | 2.475                                                          | Điều chỉnh KH vốn để đảm bảo định mức |



| TT | Danh mục công trình/dự án                                                                                  | Chủ đầu tư          | Kế hoạch vốn<br>ĐTPT nguồn<br>NSTW<br>giai đoạn<br>2021 - 2025 | Ghi chú                               |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|----------------------------------------------------------------|---------------------------------------|
| 2  | <b>Xã Thiệu Chính</b>                                                                                      |                     | 2.475                                                          |                                       |
| -  | Nâng cấp, cải tạo đường giao thông từ ĐT 515C đi ĐT 515                                                    | UBND xã Thiệu Chính | 2.475                                                          | Điều chỉnh KH vốn để đảm bảo định mức |
| 3  | <b>Xã Thiệu Công</b>                                                                                       |                     | 2.475                                                          |                                       |
| -  | Nâng cấp, cải tạo đường giao thông từ Trường THCS đến thôn Minh Thượng                                     | UBND xã Thiệu Công  | 2.475                                                          | Điều chỉnh KH vốn để đảm bảo định mức |
| 4  | <b>Xã Thiệu Lý</b>                                                                                         |                     | 2.475                                                          |                                       |
|    | Đường từ Thôn 3 đến Thôn 5                                                                                 | UBND xã Thiệu Lý    | 2.475                                                          | Điều chỉnh KH vốn để đảm bảo định mức |
| 5  | <b>Xã Thiệu Tiến</b>                                                                                       |                     | 2.475                                                          |                                       |
| -  | Nâng cấp, cải tạo đường giao thông từ UBND xã đến đường vào khu di tích lịch sử cách mạng Nhà thờ họ Vương | UBND xã Thiệu Tiến  | 2.475                                                          | Điều chỉnh KH vốn để đảm bảo định mức |
| 6  | <b>Xã Thiệu Ngọc</b>                                                                                       |                     | 2.475                                                          |                                       |
| -  | Nâng cấp, cải tạo đường giao thông từ UBND xã đi đê tả sông Chu                                            | UBND xã Thiệu Ngọc  | 2.475                                                          | Điều chỉnh KH vốn để đảm bảo định mức |
| 7  | <b>Xã Thiệu Toán</b>                                                                                       |                     | 2.518                                                          |                                       |
| -  | Nâng cấp, cải tạo đường giao thông từ thôn Toán Ty đi thôn Toán Thọ                                        | UBND xã Thiệu Toán  | 2.518                                                          | Điều chỉnh danh mục và KH vốn dự án   |
| 8  | <b>Xã Thiệu Thành</b>                                                                                      |                     | 2.475                                                          |                                       |
| -  | Nâng cấp, cải tạo đường giao thông từ UBND xã đi đê hữu sông Cầu Chày                                      | UBND xã Thiệu Thành | 2.475                                                          | Điều chỉnh KH vốn để đảm bảo định mức |
| 9  | <b>Xã Tân Châu</b>                                                                                         |                     | 2.518                                                          |                                       |
| -  | Nâng cấp, cải tạo đường giao thông từ Thôn 3 đi Thôn 2                                                     | UBND xã Tân Châu    | 2.518                                                          | Điều chỉnh danh mục và KH vốn dự án   |
| 10 | <b>Xã Thiệu Giang</b>                                                                                      |                     | 2.475                                                          |                                       |
| -  | Nâng cấp, cải tạo đường giao thông dọc Kênh N11, thôn Trung Thôn                                           | UBND xã Thiệu Giang | 2.475                                                          | Điều chỉnh KH vốn để đảm bảo định mức |
| 11 | <b>Xã Thiệu Quang</b>                                                                                      |                     | 2.475                                                          |                                       |
| -  | Nâng cấp, cải tạo đường giao thông từ Trường PTTH Nguyễn Quán Nho đến đê hữu sông Cầu Chày                 | UBND xã Thiệu Quang | 2.475                                                          | Điều chỉnh KH vốn để đảm bảo định mức |
| 12 | <b>Xã Thiệu Thịnh</b>                                                                                      |                     | 2.475                                                          |                                       |
| -  | Nâng cấp, cải tạo đường giao thông từ đê sông Chu qua UBND xã đến đê sông Chu                              | UBND xã Thiệu Thịnh | 2.475                                                          | Điều chỉnh KH vốn để đảm bảo định mức |
| 13 | <b>Xã Thiệu Hòa</b>                                                                                        |                     | 2.475                                                          |                                       |
| -  | Nâng cấp, cải tạo đường giao thông từ trạm y tế đến công làng thái khang, đến nhà ô quân                   | UBND xã Thiệu Hòa   | 2.475                                                          | Điều chỉnh KH vốn để đảm bảo định mức |
| 14 | <b>Xã Thiệu Hợp</b>                                                                                        |                     | 2.475                                                          |                                       |
| -  | Nâng cấp, cải tạo đường giao thông tả sông Chu                                                             | UBND xã Thiệu Hợp   | 2.475                                                          | Điều chỉnh KH vốn để đảm bảo định mức |
| XX | <b>HUYỆN NÔNG CỐNG</b>                                                                                     |                     | 37.140                                                         |                                       |
| 1  | <b>Xã Tế Nông</b>                                                                                          |                     | 2.500                                                          |                                       |
| -  | Nâng cấp, mở rộng tuyến đường liên thôn từ thôn Đạt tiến 1 đi thôn Tế Độ                                   | UBND xã Tế Nông     | 2.500                                                          | Điều chỉnh KH vốn để đảm bảo định mức |
| 2  | <b>Xã Tượng Sơn</b>                                                                                        |                     | 2.500                                                          |                                       |
| -  | Đường giao thông liên thôn từ thôn Thị Long đi thôn Thái Tượng, xã Tượng Sơn                               | UBND xã Tượng Sơn   | 2.500                                                          | Điều chỉnh danh mục và KH vốn dự án   |
| 3  | <b>Xã Công Liêm</b>                                                                                        |                     | 2.500                                                          |                                       |
| -  | Xây dựng kênh mương nội đồng thôn Hậu Áng, thôn Đoài Đạo-xã Công Liêm                                      | UBND xã Công Liêm   | 2.500                                                          | Điều chỉnh danh mục và KH vốn dự án   |
| 4  | <b>Xã Trường Minh</b>                                                                                      |                     | 2.500                                                          |                                       |
| -  | Nâng cấp, mở rộng đường giao thông nông thôn từ đường sắt thôn Đặng Đồi đến công làng Phú Viên             | UBND xã Trường Minh | 2.500                                                          | Điều chỉnh KH vốn để đảm bảo định mức |
| 5  | <b>Xã Tượng Lĩnh</b>                                                                                       |                     | 2.500                                                          |                                       |



| TT   | Danh mục công trình/dự án                                                                                           | Chủ đầu tư          | Kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSTW giai đoạn 2021 - 2025 | Ghi chú                               |
|------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------|
| -    | Mở rộng, nâng cấp đường giao thông nông thôn từ đường 512 đi Trung tâm xã Tượng Lĩnh                                | UBND xã Tượng Lĩnh  | 2.500                                              | Điều chỉnh danh mục và KH vốn dự án   |
| 6    | <b>Xã Yên Mỹ</b>                                                                                                    |                     | 2.500                                              |                                       |
| -    | Nâng cấp, mở rộng đường giao thông nông thôn thôn Ôn Lâm, thôn Phú Đa                                               | UBND xã Yên Mỹ      | 2.500                                              | Điều chỉnh KH vốn để đảm bảo định mức |
| 7    | <b>Xã Minh Khôi</b>                                                                                                 |                     | 2.500                                              |                                       |
| -    | Nâng cấp, mở rộng đường giao thông liên thôn từ thôn Sài Thôn đi thôn Tiên Lược                                     | UBND xã Minh Khôi   | 2.500                                              | Điều chỉnh KH vốn để đảm bảo định mức |
| 8    | <b>Xã Vạn Thiện</b>                                                                                                 |                     | 2.300                                              |                                       |
| -    | Nâng cấp, mở rộng tuyến đường liên xã từ thôn Cộng Hòa đi thôn Lăng Trù                                             | UBND xã Vạn Thiện   | 2.300                                              | Điều chỉnh KH vốn để đảm bảo định mức |
| 9    | <b>Xã Trung Thành</b>                                                                                               |                     | 2.500                                              |                                       |
| -    | Xây dựng kênh tưới, tiêu trực 32 xã Trung Thành, huyện Nông Cống                                                    | UBND xã Trung Thành | 2.500                                              | Điều chỉnh danh mục và KH vốn dự án   |
| 10   | <b>Xã Tân Phúc</b>                                                                                                  |                     | 2.500                                              |                                       |
| -    | Bê tông hóa đường giao thông khu đồng Mã Kè                                                                         | UBND xã Tân Phúc    | 2.500                                              | Điều chỉnh KH vốn để đảm bảo định mức |
| 11   | <b>Xã Thăng Bình</b>                                                                                                |                     | 2.500                                              |                                       |
| -    | Đường giao thông, kênh tưới tiêu làng Ngõ, xã Thăng Bình                                                            | UBND xã Thăng Bình  | 2.500                                              | Điều chỉnh danh mục và KH vốn dự án   |
| 12   | <b>Xã Hoàng Sơn</b>                                                                                                 |                     | 2.500                                              |                                       |
| -    | Kênh mương tưới tiêu nội đồng thôn Thanh Liêm                                                                       | UBND xã Hoàng Sơn   | 2.500                                              | Điều chỉnh KH vốn để đảm bảo định mức |
| 13   | <b>Xã Công Chính</b>                                                                                                |                     | 2.500                                              |                                       |
| -    | Nâng cấp, mở rộng đường giao thông thôn Tam Hòa                                                                     | UBND xã Công Chính  | 2.500                                              | Điều chỉnh KH vốn để đảm bảo định mức |
| 14   | <b>Xã Tân Khang</b>                                                                                                 |                     | 2.340                                              |                                       |
| -    | Kênh mương tưới tiêu nội đồng thôn Lai Thịnh                                                                        | UBND xã Tân Khang   | 2.340                                              | Điều chỉnh KH vốn để đảm bảo định mức |
| 15   | <b>Xã Tân Thọ</b>                                                                                                   |                     | 2.500                                              |                                       |
| -    | Nâng cấp, mở rộng đường giao thông, kết hợp làm kênh mương tiêu thoát nước khu dân cư thôn Mỹ Thanh, thôn Thái Bình | UBND xã Tân Thọ     | 2.500                                              | Điều chỉnh KH vốn để đảm bảo định mức |
| XXI  | <b>HUYỆN VINH LỘC</b>                                                                                               |                     | 10.072                                             |                                       |
| 1    | <b>Xã Vĩnh Hòa</b>                                                                                                  |                     | 2.518                                              |                                       |
|      | Tuyến đường từ Quốc lộ 217 đi công sở xã Vĩnh Hòa                                                                   | UBND xã Vĩnh Hòa    | 2.518                                              | Điều chỉnh danh mục và KH vốn dự án   |
| 2    | <b>Xã Vĩnh phúc</b>                                                                                                 |                     | 2.518                                              |                                       |
| -    | Tuyến đường giao thông từ tỉnh lộ 522 đi thôn Bái Xuân, xã Vĩnh Phúc, huyện Vĩnh Lộc                                | UBND xã Vĩnh phúc   | 2.518                                              | Điều chỉnh danh mục và KH vốn dự án   |
| 3    | <b>Xã Vĩnh An</b>                                                                                                   |                     | 2.518                                              |                                       |
| -    | Sân vận động xã Vĩnh An                                                                                             | UBND xã Vĩnh An     | 2.518                                              | Điều chỉnh KH vốn để đảm bảo định mức |
| 4    | <b>Xã Vĩnh Long</b>                                                                                                 |                     | 2.518                                              |                                       |
| -    | Trường THCS Phạm Văn Hinh, xã Vĩnh Long - Hạng mục: Xây mới nhà lớp học 02 tầng, 8 phòng                            | UBND xã Vĩnh Long   | 2.518                                              | Điều chỉnh danh mục và KH vốn dự án   |
| XXII | <b>HUYỆN HÀ TRUNG</b>                                                                                               |                     | 25.263                                             |                                       |
| 1    | <b>Xã Hoạt Giang</b>                                                                                                |                     | 1.530                                              |                                       |
| -    | Bê tông hóa mặt đường giao thông nội đồng: Đường 59 đi Cò Lồi, thôn Trung Chính, xã Hoạt Giang, huyện Hà Trung      | UBND xã Hoạt Giang  | 1.530                                              | Điều chỉnh danh mục dự án             |
| 2    | <b>Xã Hà Vinh</b>                                                                                                   |                     | 1.340                                              |                                       |
| -    | Kè mương, mở rộng đường đoạn từ đường Bãi Liều đến Cổng ông Các thôn Đại Lợi                                        | UBND xã Hà Vinh     | 1.340                                              | Điều chỉnh KH vốn để đảm bảo định mức |
| 3    | <b>Xã Hà Hải</b>                                                                                                    |                     | 1.840                                              |                                       |
| -    | Các công trình phụ trợ trường tiểu học xã Hà Hải (Cổng, tường rào, Kè, xây mương giáp trường,...)                   | UBND xã Hà Hải      | 1.840                                              | Điều chỉnh KH vốn để đảm bảo định mức |



| TT           | Danh mục công trình/dự án                                                                      | Chủ đầu tư         | Kế hoạch vốn<br>ĐTPT nguồn<br>NSTW<br>giai đoạn<br>2021 - 2025 | Ghi chú                               |
|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|----------------------------------------------------------------|---------------------------------------|
| 4            | <b>Xã Yên Dương</b>                                                                            |                    | 2.475                                                          |                                       |
| -            | Công trình bê tông hóa đường Đồng quan dự án và đường Bái phủ phần trăm                        | UBND xã Yên Dương  | 2.475                                                          | Điều chỉnh KH vốn để đảm bảo định mức |
| 5            | <b>Xã Yên Sơn</b>                                                                              |                    | 2.475                                                          |                                       |
| -            | Nâng cấp đường giao thông kết nối từ QL217 đi đường tỉnh 508, xã Yên Sơn                       | UBND xã Yên Sơn    | 2.475                                                          | Điều chỉnh KH vốn để đảm bảo định mức |
| 6            | <b>Xã Hà Bắc</b>                                                                               |                    | 2.475                                                          |                                       |
| -            | Trạm Y tế xã                                                                                   | UBND xã Hà Bắc     | 2.475                                                          | Điều chỉnh KH vốn để đảm bảo định mức |
| 7            | <b>Xã Hà Tân</b>                                                                               |                    | 2.470                                                          |                                       |
| -            | Đường giao thông nông thôn từ thôn Tam Quy đi thôn Vỹ Liệt                                     | UBND xã Hà Tân     | 2.470                                                          | Điều chỉnh KH vốn để đảm bảo định mức |
| 8            | <b>Xã Hà Châu</b>                                                                              |                    | 2.475                                                          |                                       |
| -            | Xây mới phòng học, phòng chức năng, bếp ăn Trường Mầm non                                      | UBND xã Hà Châu    | 2.475                                                          | Điều chỉnh KH vốn để đảm bảo định mức |
| 9            | <b>Xã Hà Thái</b>                                                                              |                    | 2.475                                                          |                                       |
| -            | Trường Mầm non Hà Thái                                                                         | UBND xã Hà Thái    | 2.475                                                          | Điều chỉnh KH vốn để đảm bảo định mức |
| 10           | <b>Xã Hà Long</b>                                                                              |                    | 2.475                                                          |                                       |
| -            | Xây dựng mới 8 phòng học, nâng cấp các phòng học cũ, tu sửa các công trình phụ trợ Trường THCS | UBND xã Hà Long    | 2.475                                                          | Điều chỉnh KH vốn để đảm bảo định mức |
| 11           | <b>Xã Hà Bình</b>                                                                              |                    | 2.470                                                          |                                       |
| -            | Đường Giao thông kênh thoát nước khu vực cụm công nghiệp thôn Thịnh Vinh xã Hà Bình            | UBND xã Hà Bình    | 2.470                                                          | Điều chỉnh KH vốn để đảm bảo định mức |
| 12           | <b>Xã Hà Giang</b>                                                                             |                    | 763                                                            |                                       |
| -            | Nâng cấp, cải tạo trường tiểu học Hà Giang, xã Hà Giang Huyện Hà Trung.                        | UBND xã Hà Giang   | 763                                                            | Bổ sung danh mục                      |
| <b>XXIII</b> | <b>HUYỆN TRIỆU SON</b>                                                                         |                    | <b>33.252</b>                                                  |                                       |
| 1            | <b>Xã Đồng Thắng</b>                                                                           |                    | 2.518                                                          |                                       |
| -            | Nâng cấp đường giao thông thôn Đại Đồng 1 đi Đại Đồng 3                                        | UBND xã Đồng Thắng | 2.518                                                          | Điều chỉnh KH vốn để đảm bảo định mức |
| 2            | <b>Xã Thái Hòa</b>                                                                             |                    | 2.518                                                          |                                       |
| -            | Đường giao thông thôn Thái Lộc đi Thái Minh                                                    | UBND xã Thái Hòa   | 2.518                                                          | Điều chỉnh KH vốn để đảm bảo định mức |
| 3            | <b>Xã Thọ Phú</b>                                                                              |                    | 2.518                                                          |                                       |
| -            | Đường GTNT tuyến từ QL 47C thôn 5 đi xã Thiệu Hòa, xây mới cầu kênh Nam                        | UBND xã Thọ Phú    | 1.518                                                          | Đề nghị điều chỉnh KH vốn             |
| -            | Trường Tiểu học và THCS                                                                        | UBND xã Thọ Phú    | 1.000                                                          |                                       |
| 4            | <b>Xã Xuân Thọ</b>                                                                             |                    | 2.518                                                          |                                       |
| -            | Nâng cấp cải tạo đường và mương thoát nước liên thôn từ nhà ông Hoà thôn 5 đi bưu điện         | UBND xã Xuân Thọ   | 1.518                                                          | Điều chỉnh KH vốn để đảm bảo định mức |
| -            | Nâng cấp cải tạo trường Tiểu học xã Xuân Thọ                                                   | UBND xã Xuân Thọ   | 1.000                                                          |                                       |
| 5            | <b>Xã Thọ Tân</b>                                                                              |                    | 2.518                                                          |                                       |
| -            | Nâng cấp, cải tạo đường liên thôn từ thôn 1 đi thôn 2                                          | UBND xã Thọ Tân    | 1.518                                                          | Điều chỉnh KH vốn để đảm bảo định mức |
| -            | Đường giao thông từ thôn 2 đi thôn 4                                                           | UBND xã Thọ Tân    | 1.000                                                          |                                       |
| 6            | <b>Xã Thọ Dân</b>                                                                              |                    | 2.518                                                          |                                       |
| -            | Đường giao thông từ đô thị Sao Mai đi công ty may ADIANA                                       | UBND xã Thọ Dân    | 2.518                                                          | Điều chỉnh KH vốn để đảm bảo định mức |
| 7            | <b>Xã Thọ Tiến</b>                                                                             |                    | 2.518                                                          |                                       |
| -            | Làm mới đường từ thôn 3 đi thôn 4 đi thôn 5                                                    | UBND xã Thọ Tiến   | 2.518                                                          | Điều chỉnh KH vốn để đảm bảo định mức |
| 8            | <b>Xã Hợp Thắng</b>                                                                            |                    | 2.518                                                          |                                       |

| TT | Danh mục công trình/dự án                                                                  | Chủ đầu tư           | Kế hoạch vốn<br>ĐTPT nguồn<br>NSTW<br>giai đoạn<br>2021 - 2025 | Ghi chú                                                                             |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|
| -  | Nâng cấp đường từ thôn Tân Tiến đi thôn Tân Thắng 2                                        | UBND xã Hợp Thắng    | 2.518                                                          | Điều chỉnh KH vốn để đảm bảo định mức                                               |
| 9  | <b>Xã Hợp Tiến</b>                                                                         |                      | 2.000                                                          |                                                                                     |
| -  | Đường giao thông thôn 3                                                                    | UBND xã Hợp Tiến     | 2.000                                                          | Điều chỉnh KH vốn để đảm bảo định mức                                               |
| 10 | <b>Xã Thọ Sơn</b>                                                                          |                      | 2.518                                                          |                                                                                     |
| -  | Xây mới nhà Đa năng trường tiểu học xã Thọ Sơn                                             | UBND xã Thọ Sơn      | 1.518                                                          | Điều chỉnh danh mục và KH vốn dự án                                                 |
| -  | Nâng cấp mương tưới, tiêu xã Thọ Sơn đoạn từ thôn 5 qua thôn 4 đi thôn 1                   | UBND xã Thọ Sơn      | 1.000                                                          |                                                                                     |
| 11 | <b>Xã Thọ Bình</b>                                                                         |                      | 2.518                                                          |                                                                                     |
| -  | Đường giao thông từ thôn 3 đi thôn 4                                                       | UBND xã Thọ Bình     | 2.518                                                          | Điều chỉnh KH vốn để đảm bảo định mức                                               |
| 12 | <b>Xã Bình Sơn</b>                                                                         |                      | 2.518                                                          |                                                                                     |
| -  | Đường giao thông từ thôn Cây xe đi xã Cán Khê                                              | UBND xã Bình Sơn     | 2.518                                                          | Điều chỉnh KH vốn để đảm bảo định mức                                               |
| 13 | <b>Xã Triệu Thành</b>                                                                      |                      | 2.518                                                          |                                                                                     |
| -  | Nâng cấp cải tạo đường thôn Minh Thành đi xã Xuân Du                                       | UBND xã Triệu Thành  | 1.000                                                          |                                                                                     |
| -  | Nâng cấp đường thôn Châu Thành đi xã Cán Khê                                               | UBND xã Triệu Thành  | 1.518                                                          | Điều chỉnh KH vốn để đảm bảo định mức                                               |
| 14 | <b>Xã Thọ Vực</b>                                                                          |                      | 518                                                            |                                                                                     |
|    | Mương tiêu từ Ao Sung đi Bản Ná thôn 2, thôn 6 xã Thọ Vực, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa | UBND xã Thọ Vực      | 518                                                            | Bổ sung danh mục                                                                    |
| 15 | <b>Xã Xuân Lộc</b>                                                                         |                      | 518                                                            |                                                                                     |
|    | Đường từ kênh Nam đi thôn Yên Trinh, xã Xuân Lộc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa          | UBND xã Xuân Lộc     | 518                                                            | Bổ sung danh mục                                                                    |
| B  | <b>PHÂN BỐ VỐN CHO CẤP HUYỆN</b>                                                           |                      | 72.676                                                         |                                                                                     |
| I  | <b>HUYỆN CẨM THỦY</b>                                                                      |                      | 36.338                                                         |                                                                                     |
| -  | Trung tâm văn hoá - thể thao huyện Cẩm Thủy                                                | UBND huyện Cẩm Thủy  | 36.338                                                         |                                                                                     |
| II | <b>HUYỆN NHƯ THANH</b>                                                                     |                      | 36.338                                                         |                                                                                     |
| -  | Trung tâm văn hoá - thể thao huyện Như Thanh                                               | UBND huyện Như Thanh | 36.338                                                         |                                                                                     |
| C  | <b>HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ VÀ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ PHÁT SINH</b>                        |                      | 272.394                                                        | Giao UBND tỉnh xây dựng phương án phân bổ chi tiết, báo cáo HĐND tỉnh theo quy định |

